

UBND TỈNH NINH BÌNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ**

**KỸ NĂNG THIẾT KẾ BÀI KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ
KẾT QUẢ HỌC TẬP Ở TIỂU HỌC CỦA SINH VIÊN NGÀNH
GIÁO DỤC TIỂU HỌC TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ**

**CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ: THS. NGUYỄN THỊ NGUYỆT
ĐƠN VỊ: KHOA SP TIỂU HỌC- MẦM NON**

NINH BÌNH, 2023

UBND TỈNH NINH BÌNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ**

**KỸ NĂNG THIẾT KẾ BÀI KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ
KẾT QUẢ HỌC TẬP Ở TIỂU HỌC CỦA SINH VIÊN NGÀNH
GIÁO DỤC TIỂU HỌC TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ**

**CHỦ NHIỆM: THS. NGUYỄN THỊ NGUYỆT
ĐƠN VỊ: KHOA SP TIỂU HỌC – MẦM NON
THÀNH VIÊN: THS. VŨ THỊ HỒNG
ĐƠN VỊ: BỘ MÔN GDTC- TL**

Xác nhận của Chủ tịch HĐ nghiệm thu

Chủ nhiệm nhiệm vụ

TS. Tạ Hoàng Minh

ThS. Nguyễn Thị Nguyệt

NINH BÌNH, 2023

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
MỞ ĐẦU	i
1. Tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của nhiệm vụ khoa học và công nghệ	i
2. Tính cấp thiết của nhiệm vụ khoa học và công nghệ	v
3. Mục tiêu nghiên cứu	vii
4. Đối tượng nghiên cứu	viii
5. Phạm vi nghiên cứu	viii
6. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu	viii
PHẦN NỘI DUNG	1
Chương 1. Cơ sở lý luận về kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học	1
1.1. Các khái niệm cơ bản	1
1.1.1. Kỹ năng	1
1.1.2. Kiểm tra, đánh giá trong giáo dục tiểu học	1
1.1.3. Kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học	14
1.1.4. Quá trình hình thành kỹ năng thiết kế bài kiểm tra đánh giá kết quả học tập ở tiểu học của sinh viên	17
1.1.5. Biện pháp rèn luyện kỹ năng thiết kế bài kiểm tra đánh giá kết quả học tập ở tiểu học cho sinh viên	20
1.1.6. Chương trình môn Toán lớp 3 ở tiểu học	22
1.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình hình thành kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học cho sinh viên	23
1.2.1. Yếu tố khách quan	23
1.2.2. Yếu tố chủ quan	24
Chương 2. Thực trạng kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học của sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học Trường Đại học Hoa Lư	26
2.1. Vài nét về đào tạo Giáo dục Tiểu học ở Trường Đại học Hoa Lư và chương trình môn học Đánh giá trong giáo dục tiểu học	26
2.1.1. Vài nét về đào tạo ngành Giáo dục Tiểu học ở Trường Đại học Hoa Lư	26

2.1.2. Chương trình môn học Đánh giá trong giáo dục tiểu học	27
2.2. TỔ CHỨC KHẢO SÁT	29
2.2.1. Mục đích khảo sát	29
2.2.2. Nội dung khảo sát	29
2.2.3. Cách thức, thời gian tiến hành khảo sát	29
2.2.4. Tiêu chí, thang đánh giá kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học	30
2.3. Kết quả khảo sát	31
2.3.1. Nhận thức của sinh viên về sự cần thiết cần phải hình thành kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học	31
2.3.2. Thực trạng kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học của sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học trường Đại học Hoa Lư	32
2.3.3. Mức độ thực hiện kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học của sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học Trường Đại học Hoa Lư	40
2.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học của sinh viên Trường Đại học Hoa Lư	44
2.5. Đề xuất các biện pháp nâng cao kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học	49
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	53
1. Kết luận	53
2. Kiến nghị	54
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	
PHỤ LỤC 1,2,3	

DANH MỤC BẢNG, BIỂU

Tên bảng	Trang
Bảng 2.1. Thang đánh giá kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học	31
Bảng 2.2. Nhận thức của sinh viên về sự cần thiết phải hình thành kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học.	31
Bảng 2.3. Đánh giá của sinh viên về mức độ tích cực tham gia các nhiệm vụ học tập và rèn luyện kỹ năng thiết kế đề kiểm tra, đánh giá học sinh tiểu học ở trên lớp/ở nhà của bản thân	33
Bảng 2.4. Tự đánh giá của sinh viên về mức độ tự học và thực hiện từng nhiệm vụ học tập và rèn luyện kỹ năng thiết kế đề kiểm tra, đánh giá học sinh tiểu học của bản thân	34
Bảng 2.5. Tự đánh giá về mức độ nhận thức về thiết kế bài kiểm tra, đánh giá học sinh tiểu học của sinh viên	37
Bảng 2.6. Tự đánh giá của sinh viên về mức độ đạt được của bản thân trong thiết kế bài kiểm tra, đánh giá học sinh tiểu học	38
Bảng 2.7. Mức độ đạt được của sinh viên trong thiết kế bài kiểm tra, đánh giá học sinh tiểu học xét trên từng tiêu chí	40
Bảng 2.8. Mức độ đạt được của sinh viên trong thiết kế bài kiểm tra, đánh giá học sinh tiểu học	41
Bảng 2.9. Những khó khăn sinh viên gặp phải trong quá trình thiết kế bài kiểm tra, đánh giá học sinh tiểu học	45
Bảng 2.10. Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả rèn luyện kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá học sinh tiểu học của sinh viên	48

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Viết tắt		Viết đầy đủ		Viết tắt		Viết đầy đủ
HS	:	Học sinh		GD	:	Giáo dục
GD&ĐT	:	Giáo dục và đào tạo		GV	:	Giảng viên
GDTH	:	Giáo dục Tiểu học		Nxb	:	Nhà xuất bản
KBG	:	Không bao giờ		SV	:	Sinh viên
CTĐT	:	Chương trình đào tạo		%	:	Phần trăm
TBC	:	Trung bình chung		SL	:	Số lượng
TH	:	Tiểu học				

MỞ ĐẦU

1. Tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Nghiên cứu về đánh giá trong học giáo dục tiểu học, xây dựng bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh tiểu học đã được các nhà khoa học trong nước và nước ngoài nghiên cứu.

Ở nước ngoài có các nghiên cứu về đánh giá sinh viên từ các tác giả Mary J.Allen, Linda Suskie, Steve Frankland, David, trong đó điển hình là tác giả Tyler, R.W (1949) là một trong những người tiên phong tiếp cận đánh giá giáo dục căn cứ vào mức độ đạt mục tiêu. Ông cho rằng, đánh giá người học là tâm điểm của quá trình dạy học vì nó liên quan đến việc kiểm tra mức độ tối đa có thể đạt được các mục tiêu chương trình, chỉ có hoạt động đánh giá mới cung cấp thông tin để biết được các trải nghiệm học tập là tốt hay không tốt; đánh giá cần được đặt trong mối liên kết chặt chẽ giữa 3 yếu tố chính trong quá trình dạy học là: mục tiêu chương trình, trải nghiệm học tập và đánh giá người học. Mối liên hệ giữa đánh giá với dạy - học rất chặt chẽ. Nếu lấy đánh giá làm trọng tâm của học tập thì tiêu chuẩn đánh giá khả năng thực sự của SV dựa trên 5 định hướng: thái độ tích cực và nhận thức việc học tập, tích hợp kiến thức, mở rộng và chọn lọc kiến thức, sử dụng kiến thức có ý nghĩa và thói quen tư duy. Các hình thức đánh giá cần được lồng ghép trong quá trình diễn ra các hoạt động dạy và học để người học có thể chứng tỏ mình đạt mức độ nào của mục tiêu môn học; cần xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá trước khi thực hiện các hoạt động dạy - học và công bố cho người học vì đối với người học, nội dung đánh giá là những nội dung cốt lõi trong chương trình giảng dạy; nếu các tiêu chuẩn đánh giá không phản ánh đúng mức các mục tiêu của chương trình giảng dạy thì không đánh giá được quá trình nhận thức của SV.

Ở trong nước có các nghiên cứu của tác giả Hoàng Thị Tuyết, Vũ Thị Phương Anh (2006), đề cập đến các vấn đề lý luận về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, cấu trúc các dạng bài tự luận, trắc nghiệm. [11].

Tác giả Trần Thị Tuyết Oanh (2007), đã đi sâu các vấn đề về đánh giá, đo lường, xác định các mục tiêu trong dạy học và đánh giá, đo lường kết quả học tập. [6]. Năm 2008, trong công bố khác của mình, tác giả đã có các nghiên cứu về lý luận đánh giá trong giáo dục, các chức năng đánh giá. [5].

Năm 2010, tác giả Phạm Văn Cường có công bố nghiên cứu của mình qua bài viết “*Tăng cường rèn luyện kỹ năng tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Toán của học sinh tiểu học cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học*”, trong đó có đề cập đến những biện pháp giúp sinh viên hình thành kỹ năng tổ chức kiểm tra, đánh giá học sinh.

PGS.TS. Nguyễn Công Khanh- PGS.TS. Đào Thị Oanh (2019) nghiên cứu các vấn đề về đo lường, tiêu chí, thang đo trong đánh giá, vai trò của đánh giá trong giáo dục. Trong tài liệu *Giáo trình kiểm tra đánh giá trong giáo dục*, các tác giả đã đề cập đến cơ sở lý luận về kiểm tra, đánh giá trong giáo dục; các công cụ kiểm tra, đánh giá; xử lý và phản hồi kết quả kiểm tra, đánh giá.

Năm 2016, tác giả Trần Nguyên Lâm công bố nghiên cứu qua bài viết “Hoạt động đánh giá năng lực thực hiện nhiệm vụ của học sinh tiểu học”, nghiên cứu về đánh giá kết quả học tập học sinh tiểu học theo hướng phát triển năng lực thông qua môn Toán và Tiếng Việt, trong đó có đề cập đến các khái niệm liên quan đến đánh giá, năng lực, quan điểm về đổi mới đánh giá, phương thức, nội dung, nguyên tắc, đánh giá; đưa ra những phân tích, nhận xét và rút ra một số biện pháp đánh giá kết quả học tập của học sinh tiểu học theo hướng phát triển năng lực.

Trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia “*Tâm lý học, Giáo dục học với việc thực hiện Nghị quyết 29/NQ-TW của Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo*”, tác giả Nguyễn Thị Nguyệt (năm 2016) đã đề cập nội dung tiêu chí, thang đo và lượng hóa năng lực trong đánh giá học sinh tiểu

học, đề xuất một số biện pháp trong đánh giá học sinh tiểu học đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

Năm 2017, nhóm tác giả Nguyễn Hữu Hậu, Phạm Văn Hiền, có nghiên cứu về đánh giá kết quả học tập học sinh tiểu học theo hướng phát triển năng lực thông qua môn Toán và Tiếng Việt, trong đó có đề cập đến các khái niệm liên quan đến đánh giá, năng lực, quan điểm về đổi mới đánh giá, phương thức, nội dung, nguyên tắc, đánh giá; đưa ra những phân tích, nhận xét và rút ra một số biện pháp đánh giá kết quả học tập của học sinh tiểu học theo hướng phát triển năng lực.

Tác giả Phó Đức Hòa (2018), đề cập đến các nội dung đánh giá trong giáo dục tiểu học, quy trình đánh giá, đo lường. Tác giả tập trung vào các nội dung liên quan đến xây dựng bài trắc nghiệm trong đánh giá học sinh tiểu học trong cuốn Đánh giá trong giáo dục tiểu học.

Nghiên cứu của tác giả Hoàng Giang - Phạm Thị Huế (năm 2019) về *Xây dựng chuyên đề bồi dưỡng phương pháp giảng dạy về kiểm tra, đánh giá môn Tiếng Anh đối với giáo viên tiểu học ở tỉnh Nam Định đáp ứng yêu cầu đổi mới của giáo dục phổ thông*, chủ yếu đề cập đến những kỹ thuật giảng dạy và kiểm tra, đánh giá trong môn Tiếng Anh cấp tiểu học.

- Tác giả Đỗ Minh Trang (năm 2021), có bài báo *Quản lý quá trình đánh giá học sinh ở các trường tiểu học đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay*. Nghiên cứu tập trung vào vai trò của đánh giá, khẳng định đánh giá học sinh là một khâu quan trọng của quá trình dạy học. Các trường tiểu học hiện nay đã nỗ lực thực hiện đổi mới đánh giá nhưng quá trình thực hiện vẫn còn nhiều lúng túng, hạn chế, bất cập, chưa có phương hướng tháo gỡ. Trên cơ sở phân tích vấn đề đổi mới giáo dục, bài báo đề cập đến những vấn đề về quản lý quá trình đánh giá học sinh ở các trường tiểu học, như: quan điểm chỉ đạo đánh giá, quy trình, kỹ thuật đánh giá, bồi dưỡng giáo viên, nguyên tắc đánh giá. Ngoài ra, còn đề cập đến những yêu cầu sư phạm trong đánh giá học sinh ở các trường tiểu học như: bảo đảm tính khách quan; bảo đảm tính toàn

diện; bảo đảm tính hệ thống; bảo đảm tính phát triển và tính nhân văn. Trong đó, yêu cầu về tính khách quan đóng vai trò quan trọng nhất.

Nghiên cứu của Tác giả Đỗ Minh Trang (năm 2021) về Quy trình đánh giá học sinh ở các trường tiểu học trên địa bàn thành phố Hà Nội - Cách thức và điều kiện thực hiện. Tác giả tập trung vào các nội dung trong hoạt động quản lý đánh giá học sinh tiểu học. Theo tác giả, tổ chức xây dựng quy trình đánh giá học sinh là một việc cần thiết của nhà quản lý, trong đó gồm các bước: Xác định mục tiêu, yêu cầu đánh giá; Xây dựng kế hoạch đánh giá; Xác định các tiêu chí, tiêu chuẩn cần đánh giá; Tổ chức thực hiện hoạt động đánh giá; Tổng hợp kết quả đánh giá; Sử dụng kết quả đánh giá; Sơ, tổng kết, rút kinh nghiệm tổ chức hoạt động đánh giá. Bài báo nghiên cứu đưa ra cách thức và điều kiện thực hiện quy trình đánh giá. Để hoạt động đánh giá học sinh hiệu quả, tất cả các lực lượng tham gia vào quá trình đánh giá học sinh tiểu học cần hiểu và nắm được các bước trong quy trình và nghiêm túc thực hiện. Quy trình đánh giá học sinh tiểu học cần được các nhà quản lý xây dựng và chỉ đạo thực hiện với sự giám sát chặt chẽ theo quy định của ngành, đáp ứng các yêu cầu về đổi mới đánh giá học sinh.

Năm 2022, tác giả Lê Thị Hải với bài viết “Đánh giá học sinh tiểu học đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông hiện nay” đã đề cập tới các khái niệm liên quan đến kiểm tra, đánh giá, quản lý và đổi mới đánh giá học sinh.

Tuy nhiên, nghiên cứu của các tác giả tập trung vào các vấn đề lý luận về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh tiểu học, các hình thức kiểm tra, đánh giá, các kỹ thuật thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh tiểu học. Đặc biệt là hướng dẫn về kỹ thuật xây dựng các dạng bài tập, câu hỏi kiểm tra (kiểm tra miệng, bài tự luận các dạng trắc nghiệm, bài thực hành).

Năm 2022, tác giả Nguyễn Thị Nguyệt công bố bài viết *Kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá của sinh viên ngành giáo dục tiểu học, trường Đại học Hoa Lư* trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học cấp Khoa “Nâng cao chất lượng rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học,

trường Đại học Hoa Lư”. Bài viết đề cập đến một số vấn đề lý luận về bài kiểm tra, đánh giá, kỹ thuật thiết kế bài kiểm tra, đánh giá; một số khó khăn của sinh viên D13 ngành Giáo dục Tiểu học khi thiết kế bài kiểm tra, đánh giá học sinh tiểu học.

Có thể nói, có khá nhiều công trình nghiên cứu liên quan đến kiểm tra, đánh giá học sinh tiểu học, mỗi nghiên cứu phân tích vấn đề ở một phương diện khác nhau và đều hướng đến nâng cao chất lượng dạy học. Tuy nhiên, các nghiên cứu về đánh giá khả năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá học sinh tiểu học của sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học trong quá trình học tập tại các cơ sở đào tạo giáo viên còn rất ít. Đặc biệt, chưa có nghiên cứu nào về kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá học sinh tiểu học của sinh viên ngành Giáo dục tiểu học. Do đó chúng tôi lựa chọn nghiên cứu Kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học Trường Đại học Hoa Lư, trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả rèn luyện kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học góp phần nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên tiểu học ở trường Đại học Hoa Lư.

2. Tính cấp thiết của nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Giáo dục tiểu học là bậc học nền tảng của giáo dục phổ thông và cả hệ thống giáo dục quốc dân, nhằm thực hiện mục tiêu: “...hình thành những cơ sở ban đầu cho sự phát triển về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ, năng lực của học sinh; chuẩn bị cho học sinh tiếp tục học trung học cơ sở” (Điều 29, Luật Giáo dục 2019), góp phần hình thành và phát triển toàn diện, hài hòa nhân cách của con người, tạo tiền đề thực hiện “nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực và bồi dưỡng nhân tài”. Giáo dục Tiểu học kế thừa và phát huy những kết quả đạt được của Giáo dục Mầm non và giúp cho trẻ có những năng lực, sức khỏe và phẩm chất để có thể học lên bậc học trung học cơ sở, luôn vận động cùng quá trình phát triển của xã hội.

Kiểm tra, đánh giá là một trong những chức năng quan trọng của công tác quản lý. Trong dạy học, giáo dục, đây được coi là công việc không thể

thiếu, làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch, điều chỉnh nội dung, phương pháp... để tiến hành dạy học, giáo dục hiệu quả.

Đánh giá kết quả học tập là một khâu không thể tách rời của quá trình dạy học, giáo dục ở trường phổ thông nói chung, trường tiểu học nói riêng. Hoạt động này không chỉ dừng lại ở việc thu thập thông tin về người học mà trên cơ sở thông tin thu thập được, giáo viên, cán bộ quản lý phân tích, xử lý, ra các quyết định, đề xuất các biện pháp cải tiến nâng cao hiệu quả dạy học, giáo dục hướng đến việc hình thành, phát triển năng lực, phẩm chất cho học sinh. Kiểm tra, đánh giá là một thành tố có ảnh hưởng tới các thành tố khác và toàn bộ quá trình dạy học, giáo dục, là cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch, điều chỉnh nội dung, phương pháp... để tiến hành dạy học, giáo dục hiệu quả.

Xu thế đổi mới giáo dục chú trọng đến phát triển năng lực của người học do đó mục tiêu giáo dục thay đổi, đánh giá theo hướng phát triển năng lực người học. Muốn đổi mới toàn diện giáo dục thì đổi mới đánh giá chính là khâu đột phá nhằm thúc đẩy quá trình đổi mới phương pháp dạy học, cách thức tổ chức dạy học... Vì vậy đổi mới giáo dục theo tinh thần Nghị quyết số 29/NQ-TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” yêu cầu: “... Đổi mới căn bản hình thức và phương pháp thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, ... Phối hợp sử dụng kết quả đánh giá trong quá trình học với đánh giá cuối kỳ, cuối năm học; đánh giá của người dạy với tự đánh giá của người học” được thực hiện trên toàn hệ thống giáo dục Việt Nam.

Đối với bậc Tiểu học, việc đổi mới giáo dục được thực hiện đồng bộ từ đổi mới mục tiêu, nội dung, chương trình, đánh giá. Chương trình giáo dục phổ thông mới (2018) được thực hiện theo Theo Nghị quyết 51/2017 của Quốc hội với lộ trình: năm học 2020 - 2021 ở lớp 1; năm học 2021 - 2022 ở lớp 2; năm học 2022 - 2023 ở lớp 3; năm học 2023 - 2024 ở lớp 4; năm học 2024 - 2025 ở lớp 5. Trên cơ sở định hướng chung, công tác kiểm tra, đánh

giá học sinh cũng từng bước đổi mới đảm bảo sự tương thích và hướng tới hình thành phẩm chất, năng lực người học. Năm học 2022 - 2023 đánh giá học sinh lớp 1,2,3 được áp dụng theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT (ngày 4 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ GD & ĐT ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học), đánh giá học sinh lớp 4,5 được áp dụng theo Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT (ngày 22 tháng 9 năm 2016), sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định đánh giá học sinh tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Để góp phần nâng cao chất lượng hiệu quả dạy học, giáo dục, giúp học sinh ngày càng tiến bộ, việc tổ chức, kiểm tra, đánh giá học sinh cần đảm bảo các yêu cầu, các nguyên tắc nhất định, sử dụng phối kết hợp linh hoạt nhiều hình thức kiểm tra, đánh giá khoa học, phù hợp; đồng thời bồi dưỡng cho học sinh ý thức và năng lực tự kiểm tra, tự đánh giá kết quả học tập, giáo dục của bản thân. Do đó, rèn luyện kỹ năng xây dựng (thiết kế) bài kiểm tra để thu thập thông tin đánh giá học sinh là một yêu cầu cần thiết trong đào tạo sinh viên sư phạm nói chung và sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học nói riêng. Việc tìm hiểu thực tiễn thiết kế bài kiểm tra, đánh giá học sinh và những khó khăn sinh viên gặp phải trong quá trình thiết kế, từ đó phân tích, đề xuất các biện pháp tháo gỡ khó khăn giúp sinh viên rèn luyện, hình thành kỹ năng thiết bài kiểm tra, đánh giá học sinh vừa là mục tiêu, vừa là nhiệm vụ quan trọng của giảng viên, của các cơ sở đào tạo giáo viên.

Xuất phát từ các lý do trên chúng tôi lựa chọn nghiên cứu đề tài: “Kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học của sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học Trường Đại học Hoa Lư”.

3. Mục tiêu nghiên cứu

Nghiên cứu thực trạng kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học Trường Đại học Hoa Lư, trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp nâng cao kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học cho sinh viên.

4. Đối tượng nghiên cứu

Kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học của sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học Trường Đại học Hoa Lư.

5. Phạm vi nghiên cứu

- Khảo sát ở 206 sinh viên khóa D14 ngành Giáo dục Tiểu học, Trường Đại học Hoa Lư.

Kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Toán lớp 3 của sinh viên D14 ngành Giáo dục Tiểu học Trường Đại học Hoa Lư, bao gồm: Bài tự luận, bài trắc nghiệm (**Đúng - Sai; Điền khuyết; Đối chiếu cặp đôi; Đa lựa chọn**).

6. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

6.1. Cách tiếp cận

Lý thuyết - thực trạng - giải pháp.

6.2. Phương pháp nghiên cứu

6.2.1. Các phương pháp nghiên cứu lý luận

Thông qua nghiên cứu sách và tài liệu, thu thập, phân tích, khái quát, hệ thống hoá các vấn đề lý luận, xây dựng các khái niệm công cụ của đề tài.

6.2.2 Các phương pháp nghiên cứu thực tiễn

**** Phương pháp điều tra viết***

Chúng tôi xây dựng một hệ thống câu hỏi đóng và câu hỏi mở cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học nhằm mục đích tìm hiểu một số nội dung sau:

- Nhận thức của sinh viên về sự cần thiết phải có kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học

- Khảo sát tự đánh giá kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học của sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học Trường Đại học Hoa Lư.

- Tìm hiểu mức độ khó khăn của sinh viên trong quá trình hình thành kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học.

- Những yếu tố ảnh hưởng đến việc hình thành kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học.

**Phương pháp đàm thoại*

Chúng tôi gặp gỡ, trao đổi trực tiếp với giảng viên giảng dạy học phần Đánh giá trong giáo dục tiểu học cho sinh viên D14 ngành Giáo dục tiểu học, với sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học nhằm làm sáng tỏ và cụ thể hóa các nội dung khảo sát, xác định nguyên nhân của thực trạng. Đồng thời, thu thập thông tin về mức độ thực hiện kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học của sinh viên ngành Giáo dục tiểu học.

Chúng tôi sử dụng phương pháp này làm phương tiện hỗ trợ cho các phương pháp khác, đồng thời nhằm thu thập một số thông tin cụ thể góp phần nhằm tăng độ tin cậy và sức thuyết phục của kết quả nghiên cứu qua phiếu điều tra.

**Phương pháp quan sát*

Quan sát quá trình thiết kế bài kiểm tra, đánh giá của sinh viên bao gồm: Nhận thức, thái độ và quá trình vận dụng kiến thức về đánh giá trong giáo dục tiểu học, thực hiện thiết kế bài kiểm tra đánh giá của sinh viên (mức độ tích cực thực hiện các nhiệm vụ học tập của sinh viên, báo cáo, trình bày sản phẩm, nhận xét, đánh giá, rút ra bài học cho bản thân).

**Phương pháp nghiên cứu sản phẩm hoạt động*

Chúng tôi sử dụng các bài thực hành thiết kế bài/đề kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên (các nhiệm vụ được giảng viên yêu cầu thực hiện) để đánh giá khả năng thiết kế của các em.

6.2.3. Phương pháp thống kê toán học

Chúng tôi sử dụng thống kê toán học nhằm mục đích xử lý số liệu thu được một cách khách quan.

PHẦN NỘI DUNG

Chương 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KỸ NĂNG THIẾT KẾ BÀI KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP Ở TIỂU HỌC

1.1. CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN

1.1.1. Kỹ năng

Kỹ năng là khả năng vận dụng những kiến thức thu nhận được trong một lĩnh vực nào đó vào thực tế [13; tr 530]. Nói cách khác, kỹ năng là khả năng vận dụng kiến thức, khái niệm, phương pháp... để giải quyết một nhiệm vụ.

Kỹ năng là sự thực hiện có kết quả một hành động nào đó bằng cách vận dụng những tri thức, những kinh nghiệm đã có để hành động phù hợp với các điều kiện cho phép. Kỹ năng không chỉ đơn thuần là mặt kỹ thuật của hành động mà còn là biểu hiện của năng lực, trình độ thao tác tư duy của chủ thể hành động.

1.1.2. Kiểm tra, đánh giá trong giáo dục tiểu học

1.1.2.1. Khái niệm kiểm tra, đánh giá

Kiểm tra là thuật ngữ chỉ cách thức hoặc hoạt động giáo viên sử dụng để thu thập thông tin về biểu hiện kiến thức, kỹ năng và thái độ của học sinh trong học tập nhằm cung cấp dữ kiện làm cơ sở cho việc đánh giá [12; tr 14].

Đánh giá là quá trình hình thành những nhận định, phán đoán về kết quả của công việc, dựa vào sự phân tích những thông tin thu được, đối chiếu với mục tiêu và tiêu chuẩn đề ra nhằm đề xuất những quyết định thích hợp để cải thiện thực trạng, điều chỉnh và nâng cao chất lượng và hiệu quả của công việc.

Theo tác giả Trần Tuyết Oanh: Đánh giá trong giáo dục là quá trình tiến hành có hệ thống để xác định mức độ mà đối tượng đạt được các mục tiêu giáo dục nhất định. [6; tr 9]. Tác giả cũng cho rằng: Đánh giá kết quả học tập bao gồm quá trình thu thập thông tin, quá trình xử lý thông tin về trình độ, khả năng thực hiện mục tiêu đã xác định của học sinh nhằm tạo cơ sở cho những quyết định sự phạm của người giáo viên, cho nhà trường và cho bản thân học sinh để giúp họ học tập tiến bộ hơn. Kết quả của việc đánh giá được thể hiện chủ yếu bằng điểm số theo thang điểm đã được quy định, ngoài ra việc đánh giá thể hiện bằng lời nhận xét của giáo viên. [5; tr278].

Đánh giá trong giáo dục là quá trình thu thập thông tin và hình thành những nhận định, phán đoán về kết quả của công việc, hoạt động, khả năng hay nguyên nhân về chất lượng và hiệu quả giáo dục căn cứ vào mục tiêu giáo dục; lí giải kịp thời, có hệ thống các thông tin, nhận định làm cơ sở cho việc điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện những chủ trương, biện pháp và hành động giáo dục tiếp theo.

Đánh giá trong giáo dục là quá trình thu thập, tổng hợp, diễn giải thông tin về đối tượng cần đánh giá (hiểu biết hay năng lực của học sinh, chương trình, nhà trường...) một cách có hệ thống nhằm mục đích hiểu biết sâu và sử dụng các thông tin này để ra quyết định về học sinh, về chương trình, về nhà trường hay đưa ra các chính sách giáo dục [4; tr33]. Ngược lại, nếu kiểm tra- đánh giá không phản ánh được sự chân thực sẽ làm cho hệ thống có điều khiển mất đi tính điều khiển của mình, nghĩa là làm tăng tính đột biến, sự thay đổi của hệ thống.

Đánh giá kết quả học tập là quá trình hình thành những nhận định, rút ra những kết luận hoặc phán đoán về trình độ, phẩm chất của người học hoặc đưa ra những quyết định về việc dạy học dựa trên cơ sở những thông tin đã thu thập được một cách có hệ thống trong quá trình kiểm tra [12; tr14]. Trong thực tiễn dạy học, khi nói đến đánh giá kết quả học tập thường đề cập đến việc đánh giá học lực của học sinh.

Như vậy, có thể khẳng định: kiểm tra - đánh giá là một bộ phận, một phần không thể thiếu trong quá trình dạy học, là một khâu không thể tách rời của quá trình dạy học. Ở đây, kiểm tra được coi là phương tiện để đánh giá kết quả giáo dục của học sinh.

1.1.2.2. Kiểm tra, đánh giá trong giáo dục tiểu học

**** Quan điểm đổi mới trong đánh giá học sinh tiểu học***

Đổi mới đánh giá người học được triển khai và thực hiện đồng bộ từ trung ương đến địa phương nhằm phát triển phẩm chất, năng lực. Điều đó được thể hiện trong hệ thống văn bản chỉ đạo và triển khai đồng bộ ở các cấp quản lý, các cơ sở giáo dục trên toàn quốc.

Quan điểm đổi mới đánh giá người học đã được thể hiện ở hệ thống các văn bản của Đảng và Nhà nước. Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đã nêu rõ: “Đổi mới căn bản hình thức và phương pháp thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo”, “Phối hợp sử dụng kết quả đánh giá trong quá trình học với đánh giá cuối học kỳ, cuối năm học; đánh giá của người dạy với tự đánh giá của người học; đánh giá của nhà trường với đánh giá của gia đình và xã hội”; Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội về Đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông xác định rõ: “Đổi mới căn bản phương pháp đánh giá chất lượng giáo dục theo hướng hỗ trợ phát triển phẩm chất và năng lực học sinh”; Nghị quyết số 44/NQ-CP ngày 09/6/2014 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW nêu rõ định hướng về đánh giá học sinh là: “Đổi mới hình thức, phương pháp thi, kiểm tra và đánh giá kết quả theo hướng đánh giá năng lực người học; kết hợp đánh giá cả quá trình với đánh giá cuối kỳ học, cuối năm học theo mô hình của các nước có nền giáo dục phát triển”....

Triển khai các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội và Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) đã ban hành Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/8/2014 ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học, là sự hiện thực hóa tinh thần đổi mới của Nghị quyết 29-NQ/TW. Theo đó, nội dung nổi bật của Thông tư này là tập trung vào đánh giá quá trình, coi trọng đánh giá thường xuyên bằng nhận xét. Tuy nhiên, sau 02 năm triển khai Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT bộc lộ một số điểm bất cập, vì vậy Bộ GDĐT ban hành Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định đánh giá học sinh tiểu học ban hành theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT. Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT quy định về đánh giá học sinh tiểu học tường minh hơn, cụ thể hơn, đánh giá phải vì sự tiến bộ của học sinh hay đánh giá để phát triển học tập, đánh giá như là hoạt động học tập. Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT đã làm rõ cơ sở khoa học của hai phương thức đánh giá thường xuyên bằng nhận xét và đánh giá định kỳ bằng điểm số; giúp cho giáo viên dễ dàng hơn trong việc đánh

giá học sinh; giúp cho phụ huynh có cơ hội nắm bắt được rõ ràng hơn mức độ đạt được của con em mình, từ đó kịp thời phối hợp với nhà trường trong quá trình giáo dục học sinh, giảm áp lực cho giáo viên và học sinh. Thông tư này bổ sung quy định lượng hóa kết quả học tập theo yêu cầu môn học dựa trên chuẩn kiến thức, kỹ năng theo 3 mức (Hoàn thành tốt, Hoàn thành, Chưa hoàn thành) đối với từng môn học nhằm kịp thời cung cấp những thông tin phản hồi rất hữu ích giúp học sinh biết mình tiến bộ ra sao, những lĩnh vực nào có sự tiến bộ, lĩnh vực học tập nào có khó khăn, nhận ra mình thiếu hụt những gì so với chuẩn kiến thức, kỹ năng hay yêu cầu, mục tiêu bài học để cả giáo viên và học sinh cùng điều chỉnh hoạt động dạy và học. Thông tư này cũng bổ sung quy định lượng hóa kết quả giáo dục theo hướng tiếp cận năng lực, lượng hóa từng năng lực, phẩm chất thành ba mức: “Tốt, Đạt, Cần cố gắng” giúp giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục, cha mẹ học sinh xác định được mức độ hình thành, phát triển năng lực, phẩm chất của học sinh sau một giai đoạn học tập, rèn luyện. Từ đó giáo viên, nhà trường có những giải pháp kịp thời giúp đỡ học sinh khắc phục hạn chế, phát huy những điểm tích cực để các em ngày một tiến bộ hơn.

Trong quá trình thực hiện đánh giá học sinh tiểu học theo Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT đã có rất nhiều ưu điểm, tuy nhiên vẫn còn có một số khó khăn, vướng mắc cần cải tiến (các mức độ đề thi định kỳ, tính chủ quan trong đánh giá, khen thưởng,...). Năm 2020, Bộ GD&ĐT đã ban hành Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT (ngày 4 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ GD & ĐT ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học) trên cơ sở kế thừa ưu điểm của Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT và có những cải tiến đánh giá sự tiến bộ và vì sự tiến bộ của người học. Trong quy định này, giáo viên có thể sử dụng nhiều hình thức, công cụ đánh giá linh hoạt, điều chỉnh còn 3 mức độ đánh giá của đề thi định kỳ, đánh giá các nội dung theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 đối với các môn học và hoạt động giáo dục, phẩm chất chủ yếu, năng lực cốt lõi, phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi học sinh tiểu học.

Trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018, trên cơ sở định hướng chung, công tác kiểm tra, đánh giá học sinh theo

Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT, Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT đã từng bước đổi mới thực hiện theo lộ trình, đảm bảo sự tương thích và hướng tới hình thành phẩm chất, năng lực người học.

****Đánh giá học sinh tiểu học***

Đánh giá học sinh tiểu học là quá trình thu thập, xử lý thông tin thông qua các hoạt động quan sát, theo dõi, trao đổi, kiểm tra, nhận xét quá trình học tập, rèn luyện của học sinh; tư vấn, hướng dẫn, động viên học sinh; diễn giải thông tin định tính hoặc định lượng về kết quả học tập, rèn luyện, sự hình thành và phát triển một số phẩm chất, năng lực của học sinh tiểu học. [10].

Để thu thập thông tin phục vụ đánh giá học sinh tiểu học, giáo viên cần sử dụng hệ thống các công cụ trong đó có các bài kiểm tra, trên cơ sở kết quả thu được, giáo viên phân tích, xử lý dữ liệu đưa ra nhận xét, đánh giá. Do đó, kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá là một trong những kỹ năng cần có của người giáo viên nói chung và giáo viên tiểu học nói riêng. Các công cụ, phương pháp, hình thức đánh giá học sinh tiểu học phù hợp với đổi mới giáo dục, với chương trình giáo dục 2018 nhằm mục đích đánh giá, hình thành năng lực, phẩm chất của người học.

****Mục đích đánh giá học sinh tiểu học***

Mục đích đánh giá học sinh tiểu học được quy định cụ thể trong Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT (ngày 4 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ GD & ĐT ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học): “Mục đích đánh giá là cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, xác định được thành tích học tập, rèn luyện theo mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học và sự tiến bộ của học sinh để hướng dẫn hoạt động học tập, điều chỉnh các hoạt động dạy học nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, cụ thể như sau:

1. Giúp giáo viên điều chỉnh, đổi mới hình thức tổ chức, phương pháp giáo dục trong quá trình dạy học, giáo dục; kịp thời phát hiện những cố gắng, tiến bộ của học sinh nhằm động viên, khích lệ và phát hiện những khó khăn chưa thể tự vượt qua của học sinh để hướng dẫn, giúp đỡ nhằm nâng cao chất

lượng, hiệu quả hoạt động học tập, rèn luyện của học sinh; góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục tiểu học.

2. Giúp học sinh có khả năng tự nhận xét, tham gia nhận xét; tự học, tự điều chỉnh cách học; giao tiếp, hợp tác; có hứng thú học tập và rèn luyện để tiến bộ.

3. Giúp cha mẹ học sinh hoặc người giám hộ (sau đây gọi chung là cha mẹ học sinh) tham gia đánh giá quá trình và kết quả học tập, rèn luyện, quá trình hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh; tích cực hợp tác với nhà trường trong các hoạt động giáo dục học sinh.

4. Giúp cán bộ quản lý giáo dục các cấp kịp thời chỉ đạo các hoạt động giáo dục, đổi mới phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá nhằm đạt hiệu quả giáo dục.

5. Giúp các tổ chức xã hội nắm thông tin chính xác, khách quan, phát huy nguồn lực xã hội tham gia đầu tư phát triển giáo dục.”

****Chức năng của đánh giá học sinh tiểu học***

Đánh giá thực hiện các chức năng: chức năng quản lý, chức năng kiểm soát và điều chỉnh dạy và học; Chức năng giáo dục và phát triển người học

- Chức năng quản lý: Thể hiện qua hai phương diện: xếp loại hoặc tuyển chọn người học; duy trì và phát triển chuẩn chất lượng (xét lên lớp, khen thưởng, xét tham gia các đội tuyển của nhà trường,...bồi dưỡng, phụ đạo).

- Chức năng kiểm soát và điều chỉnh dạy và học: Đối với nhà trường và giáo viên, chu trình dạy học rồi kiểm tra, đánh giá nhằm kiểm soát việc dạy học, sau đó ra quyết định điều chỉnh, cải tiến dạy học là cơ chế đảm bảo cho việc phát triển chất lượng dạy học.

Đối với HS, thông tin đánh giá nhận được từ giáo viên và tự đánh giá của bản thân giúp người học kiểm soát, điều chỉnh việc học của mình.

- Chức năng giáo dục và phát triển người học: Động viên người học

- Đánh giá góp phần phát triển toàn diện để chuẩn bị cho người học bước vào cuộc sống. [11; tr14].

Đánh giá kết quả học tập của học sinh cần tuân thủ các nguyên tắc và các yêu cầu: Khách quan, công bằng, đảm bảo tính toàn diện, đảm bảo tính hệ

thống, đảm bảo tính công khai, đảm bảo tính giáo dục, đảm bảo tính phát triển [12; tr26-37]

- Đánh giá học sinh thông qua đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt và biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của từng môn học, hoạt động giáo dục và những biểu hiện phẩm chất, năng lực của học sinh theo yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

- Đánh giá thường xuyên bằng nhận xét, đánh giá định kỳ bằng điểm số kết hợp với nhận xét; kết hợp đánh giá của giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh, trong đó đánh giá của giáo viên là quan trọng nhất.

- Đánh giá sự tiến bộ và vì sự tiến bộ của học sinh; coi trọng việc động viên, khuyến khích sự cố gắng trong học tập, rèn luyện của học sinh; giúp học sinh phát huy nhiều nhất khả năng, năng lực; đảm bảo kịp thời, công bằng, khách quan; không so sánh học sinh này với học sinh khác, không tạo áp lực cho học sinh, giáo viên và cha mẹ học sinh [10].

****Nội dung đánh giá học sinh tiểu học***

Nội dung đánh giá học sinh tiểu học bao gồm:

- Đánh giá quá trình học tập, sự tiến bộ và kết quả học tập của học sinh đáp ứng yêu cầu cần đạt và biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của từng môn học, hoạt động giáo dục theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

- Đánh giá sự hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh thông qua những phẩm chất chủ yếu và những năng lực cốt lõi như sau:

- + Những phẩm chất chủ yếu: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

- + Những năng lực cốt lõi: Những năng lực chung (tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo; Những năng lực đặc thù (ngôn ngữ, tính toán, khoa học, công nghệ, tin học, thẩm mỹ, thể chất. .) [10].

****Phương pháp đánh giá học sinh tiểu học***

Phương pháp đánh giá thường được sử dụng trong quá trình đánh giá học sinh gồm:

- Phương pháp quan sát: Giáo viên theo dõi, lắng nghe học sinh trong quá trình giảng dạy trên lớp, sử dụng phiếu quan sát, bảng kiểm tra, nhật ký ghi chép lại các biểu hiện của học sinh để sử dụng làm minh chứng đánh giá quá trình học tập, rèn luyện của học sinh.

- Phương pháp đánh giá qua hồ sơ học tập, các sản phẩm, hoạt động của học sinh: Giáo viên đưa ra các nhận xét, đánh giá về các sản phẩm, kết quả hoạt động của học sinh, từ đó đánh giá học sinh theo từng nội dung đánh giá có liên quan.

- Phương pháp vấn đáp: Giáo viên trao đổi với học sinh thông qua việc hỏi-đáp để thu thập thông tin nhằm đưa ra những nhận xét, biện pháp giúp đỡ kịp thời.

- Phương pháp kiểm tra viết: Giáo viên sử dụng các bài kiểm tra gồm các câu hỏi, bài tập được thiết kế theo mức độ, yêu cầu cần đạt của chương trình, dưới hình thức trắc nghiệm, tự luận hoặc kết hợp trắc nghiệm và tự luận để đánh giá mức đạt được về các nội dung giáo dục cần đánh giá [10].

Đánh giá học sinh tiểu học bao gồm đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ, kết hợp giữa đánh giá bằng điểm số và nhận xét. Có nhiều hình thức đánh giá kết quả học tập nhận xét kết hợp với điểm số, trong đó giáo viên sử dụng các công cụ để kiểm tra, thu thập thông tin như kiểm tra miệng, bài tự luận, bài trắc nghiệm, bài thực hành,...với 3 mức đánh giá: Hoàn thành tốt, Hoàn thành, Chưa hoàn thành

Năm học 2022 - 2023, đề bài kiểm tra định kỳ đối với lớp 1,2,3 thực hiện theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT, bao gồm 3 mức độ đề thi theo Thang Bloom; đối với lớp 4,5 thực hiện theo Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT, bao gồm 4 mức độ đề thi theo Thang Bloom. Năm học 2023 – 2024, chỉ còn lớp 5 thực hiện kiểm tra đánh giá theo Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT, đến năm học 2024 – 2025, tất cả các lớp tiểu học được thực hiện kiểm tra, đánh giá theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT.

****Quy trình đánh giá học sinh tiểu học***

Quy trình đánh giá học sinh tiểu học được thực hiện theo 5 bước:

- *Bước 1. Xác định mục đích đánh giá. Thiết kế bài kiểm tra phải phù hợp với mục tiêu:*

- + Dùng để đo lường tri thức xuất phát của người học đối với nội dung sắp dạy
- + Nhằm thu thập thông tin ngược một cách nhanh nhất từ người học đến người dạy

- + Tiến hành khi kết thúc một bài dạy
- + Nhằm để động viên, khuyến khích học sinh

- *Bước 2. Xác định hệ thống tiêu chuẩn* (Dựa trên tiêu chuẩn vĩ mô và vi mô)

- + Hiểu, nhớ bài (bằng lời, bằng viết, bằng thực hành...)
- + Áp dụng được bài làm trong tình huống tương tự
- + Áp dụng được bài làm trong tình huống khác đã biến đổi
- + Bài làm mang tính sáng tạo
- + Hình thức trình bày bài làm sáng sủa, rõ ràng và logic

- *Bước 3. Xác định hình thức đánh giá:*

- + Vừa cho điểm, vừa nhận xét
- + Theo thang kí hiệu chữ cái

- *Bước 4. Xác định thước đo*

- + Barem điểm số (biểu điểm)
- + Thang kiểm

- *Bước 5. Đánh giá*

- + Phân tích kết quả sản phẩm (bài làm) của người học
- + Cho điểm và nhận xét [3; tr107-109]

****Quy trình viết (thiết kế) đề kiểm tra học sinh tiểu học***

Quy trình viết đề kiểm tra cần thực hiện theo các bước sau:

- Xác định cấu trúc hoặc bảng ma trận của bài kiểm tra
- Xác định rõ mục đích, mục tiêu đánh giá (dựa trên thang nhận thức của Bloom); xác định mức độ khó theo quy định trong Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT (ngày 4 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ GD & ĐT ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học) gồm 3 mức độ.
- Viết câu hỏi/bài tập

- Xác định các yêu cầu của câu trả lời, thời lượng, điểm số
- Kiểm tra, rà soát hoặc thẩm định lại các câu hỏi trong đề kiểm tra
- Xây dựng hướng dẫn chấm

*** *Cấu trúc và yêu cầu kỹ thuật của mỗi dạng bài kiểm tra, đánh giá***

1. Bài tự luận: gồm 2 loại

- *Bài tự luận dạng trả lời hạn chế*: Câu trả lời thường giới hạn về cả nội dung và hình thức: độ dài, số lượng dòng, số lượng từ của câu trả lời được hạn chế (thường sử dụng đo lường các kết quả học tập, đòi hỏi sự lí giải và ứng dụng dữ kiện vào một lĩnh vực chuyên biệt đơn giản) gồm: giải thích mối quan hệ nhân quả, phát biểu định nghĩa, định lí, miêu tả sự ứng dụng các nguyên tắc, trình bày các lập luận liên quan với nhau, hình thành các giả thuyết có thể biện hộ được, hình thành các kết luận giá trị, phát biểu các ý hàm ẩn cần thiết, miêu tả phương pháp và tiến trình, vận dụng phương pháp và tiến trình

- *Bài tự luận dạng trả lời mở rộng*: cho phép HS lựa chọn bất kì thông tin dữ kiện nào mà họ nghĩ là thích hợp để tổ chức câu trả lời phù hợp với phán đoán tốt nhất của họ, người làm bài thể hiện khả năng lựa chọn, tổ chức, phối hợp và đánh giá các ý tưởng, gồm:

- + Tạo lập, tổ chức, diễn đạt ý tưởng
- + Phối hợp những điều đã học trong những lĩnh vực khác nhau
- + Sáng tạo các hình thức mới
- + Đánh giá giá trị của các ý tưởng

- *Dựa vào các mức độ nhận thức cần đo lường, có 4 loại bài tự luận*:

- + Bài tự luận đo lường khả năng ứng dụng
- + Bài tự luận đo lường khả năng phân tích
- + Bài tự luận đo lường khả năng tổng hợp
- + Bài tự luận đo lường khả năng đánh giá

- *Cách biên soạn một bài tự luận*

+ Người đánh giá căn cứ/xác định những yêu cầu cơ bản của kiến thức và kĩ năng cần đánh giá trước khi viết đề

+ Đề bài tự luận đòi hỏi HS dùng kiến thức đã lĩnh hội được để giải quyết một tình huống cụ thể, do đó, đề bài cần trình bày một tình huống cụ thể hoặc một vấn đề nằm trong vòng kinh nghiệm, hiểu biết của người học, một tình huống mà từ đó, người học có thể tìm thấy những mối liên hệ giữa kiến thức, kỹ năng đã học với nội dung của tình huống.

+ Nội dung câu hỏi nhất thiết phải có yếu tố mới và không quen thuộc với HS

+ Mối quan hệ giữa kiến thức được học với giải pháp cần sử dụng cho vấn đề đặt ra có thể gần nhưng không dễ dàng nhận ra được. Gv có thể gia tăng khả năng ứng dụng bằng cách gia tăng tính hiện thực của mối quan hệ giữa kiến thức đã học với nhiệm vụ mà bài tự luận đặt ra.

+ Mối liên hệ giữa kiến thức đạt được với giải pháp cho bài tự luận có thể trở nên rõ ràng và hiện thực hơn khi lời phát biểu về tình huống chứa đựng những từ ngữ khơi gợi những kiến thức đã học một cách tinh tế.

+ Đề bài tự luận được trình bày đầy đủ với 2 phần chính: phần phát biểu về tình huống và phần phát biểu về vấn đề hay sự chọn lựa cho mỗi HS có thể làm việc trong một ngữ cảnh bình thường và dễ hiểu. Chi tiết càng ít, sự lí giải càng đơn giản thì tình huống càng có khả năng tạo ra một phạm vi rộng lớn cho nhiều câu trả lời khác nhau- chấm điểm khó khăn.

+ Cần có phần hướng dẫn trả lời- mức độ cụ thể của câu trả lời: độ dài của bài, những điểm chuyên biệt hay những hành vi cần thể hiện như giai rthichs, miêu tả, chứng minh...

+ Hình thức đề bài tự luận có thể là câu hỏi hay một lời đề nghị, yêu cầu

- *Xây dựng hướng dẫn chấm bài tự luận*

Căn cứ yêu cầu của kiến thức, kỹ năng cần đánh giá qua bài tự luận, người đánh giá xây dựng thang điểm chấm: mức điểm, yêu cầu cần đạt ở từng mức điểm.

2. *Bài tập dạng trắc nghiệm kiểu trả lời ngắn (điền khuyết):*

Câu trắc nghiệm trả lời ngắn đảm bảo hình thức là một câu hỏi hoặc là một phát biểu chưa hoàn chỉnh. Người làm bài phải viết câu trả lời cho câu hỏi hoặc điền thêm vào câu phát biểu chưa hoàn chỉnh bằng một từ hay cụm từ, một

kí hiệu, một công thức, một con số... (trắc nghiệm điền khuyết); đảm bảo các yêu cầu:

- Các thuật ngữ cần rõ ràng; Câu hỏi phải nêu rõ ý muốn hỏi, tránh dài dòng
- Từ cần điền vào chỗ trống phải nằm trong sự liên kết với văn cảnh, có tiêu chí ngữ nghĩa rõ ràng, tạo điều kiện liên tưởng tưởng minh, tránh để chỗ trống tùy tiện
- Diễn tả câu hỏi trắc nghiệm sao cho người làm có thể đưa ra câu trả lời vừa ngắn gọn vừa cụ thể, riêng biệt.
- Đáp án cho mỗi câu trắc nghiệm trả lời ngắn nên là một từ, một cụm từ, một câu, một con số hay một ký hiệu
- Nếu câu hỏi trắc nghiệm có phần dữ kiện thì cần tách biệt rõ ràng phần dữ kiện và phần câu hỏi
- Không nên lấy những lời trực tiếp từ sách giáo khoa làm thành câu trắc nghiệm trả lời ngắn
- Những chỗ trống cho câu trả lời phải có chiều dài bằng nhau và đặt trong một cột bên phải của câu hỏi
- Không nên dành quá nhiều chỗ trống trong dạng trắc nghiệm điền khuyết.

3. Bài tập dạng trắc nghiệm Đúng - Sai:

- Đảm bảo 2 phần:
 - + Phần 1: là một câu hỏi hoặc một phát biểu, còn gọi là phần đề
 - + Phần 2: là 2 phương án lựa chọn: Đúng- Sai; Phải- Không phải; Đồng ý- Không đồng ý
- Khi thiết kế dạng bài trắc nghiệm Đúng- Sai cần thỏa mãn các yêu cầu:
 - + Tránh những phát biểu chung chung
 - + Tránh các phát biểu tầm thường, không quan trọng
 - + Tránh sử dụng những phát biểu phủ định, đặc biệt là phủ định kép
 - + Tránh các câu dài, phức tạp
 - + Tránh bao gồm 2 ý tưởng trong một bài phát biểu trừ việc đo lường khả năng nhận ra mối quan hệ nhân quả

+ Nếu câu đề thể hiện một ý kiến hay thái độ nào thì nên đưa thêm vào trong câu đề ấy một cơ sở nào đó để cho kết quả chọn đúng hay sai không chung chung, mơ hồ, để đo lường khả năng của người làm bài

+ Chiều dài của các câu trắc nghiệm đúng và câu trắc nghiệm sai nên bằng nhau

+ Tránh dùng câu phủ định kép

+ Tránh lấy nguyên văn từ sách giáo khoa

Lưu ý tính chặt chẽ khi dùng câu gồm 2 mệnh đề có quan hệ nhân quả

4. Bài tập dạng trắc nghiệm nhiều (đa) lựa chọn: đảm bảo gồm 2 phần

+ Phần 1: phần nêu vấn đề dưới dạng câu chưa hoàn thành hoặc câu hỏi

+ Phần 2: và phần nêu các phương án lựa chọn

Yêu cầu làm bài trắc nghiệm nhiều lựa chọn là chọn một phương án trả lời tốt nhất hoặc đúng nhất trong số các phương án cho sẵn

- Thỏa mãn các yêu cầu:

+ Không nên đưa ra nhiều ý (nhiều lĩnh vực khác nhau trong cùng một phương án lựa chọn) mỗi phương án chỉ nên có một ý.

+ Tránh dùng các câu hỏi phủ định

+ Cần thận khi đưa vào phương án “tất cả câu trên đều sai/đúng”

+ Nên sắp xếp các phương án theo một trật tự nhất quán, tránh sự nhầm lẫn cho người làm bài (trật tự tăng dần hoặc giảm dần)

+ Cố gắng tạo ra các phương án mỗi nhữ khó phân biệt với phương án đúng

+ Ghi nhận những khó khăn, nhầm lẫn mà HS thường mắc để tạo ra các phương án mỗi nhữ.

+ Tránh trường hợp có thể có hai hay hơn hai phương án đúng trong số các phương án cho sẵn.

+ Tránh đưa ra các phương án quá phân biệt tạo ra những tiết lộ không thích hợp

+ Tránh phương án mơ hồ, võ đoán, không căn cứ cụ thể

+ Tránh trường hợp phương án này bao hàm ý của phương án khác

5. Bài trắc nghiệm đối chiếu cặp đôi

Bài trắc nghiệm đối chiếu cặp đôi là một bài trắc nghiệm bao gồm 2 phần: thiết kế thành 2 cột

+ Phần 1: là phần thông tin ở bảng truy

+ Phần 2: là phần thông tin ở bảng chọn

Yêu cầu: lựa chọn yếu tố tương đương hoặc có sự tương hợp của mỗi cặp thông tin từ bảng truy và bảng chọn. Giữa các cặp ở 2 bảng có mối liên hệ trên một cơ sở đã định

Có 2 hình thức: + Đối chiếu hoàn toàn

+ Đối chiếu cặp đôi không hoàn toàn

- *Những lưu ý khi biên soạn bài trắc nghiệm đối chiếu cặp đôi:*

+ Chỉ dùng tài liệu đồng loại trong bài trắc nghiệm đối chiếu cặp đôi (hạn chế dùng cho HS lớp cao)

+ Số lượng các đáp án ở bảng chọn nên nhiều hơn số lượng các mục ở bảng truy

+ Các mục được ghép không nên nhiều quá và các thông tin ở bảng chọn nên ngắn hơn các thông tin ở bảng truy

+ Sắp xếp các mục trả lời theo một trật tự logic (1,2,3 hoặc a, b, c...)

+ Lời chỉ dẫn cần chỉ rõ cơ sở cho việc đối chiếu cặp đôi giữa các tiền đề và các câu trả lời

+ Bài trắc nghiệm đối chiếu cặp đôi phải được đặt trên cùng một trang giấy

1.1.3. Kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học

Người giáo viên tiểu học giữ vai trò quyết định đối với chất lượng giáo dục. Hoạt động sư phạm thực chất là hoạt động sáng tạo, bao gồm việc giải quyết các nhiệm vụ trong quá trình giáo dục học sinh. Những nhiệm vụ đó đa dạng về phạm vi, lĩnh vực và thời gian. Trong hoạt động sư phạm giáo viên tiểu học phải giải quyết những nhiệm vụ của bản thân trên cơ sở tìm tòi, khám phá các yếu tố, đối tượng liên quan. Giáo viên cần phải phân tích các tình huống sư phạm; dự kiến và thiết kế các sản phẩm cần đạt được; phân tích các biện pháp và phương tiện để thực hiện mục tiêu đã đề ra; triển khai quá trình sư phạm; đánh

giá kết quả thu được, đối chiếu với mục tiêu đề ra và xây dựng nhiệm vụ mới. Để giải quyết các nhiệm vụ này trong quá trình giáo dục học sinh, đòi hỏi giáo viên tiểu học cần đảm bảo các yêu cầu về phẩm chất nhà giáo và năng lực sư phạm theo yêu cầu của xã hội, đặc biệt phải có năng lực chung và năng lực chuyên biệt. Năng lực chung của giáo viên tiểu học gồm: Năng lực chẩn đoán; Năng lực đáp ứng; Năng lực đánh giá; Năng lực thiết lập mối quan hệ; Năng lực kết hợp các lực lượng xã hội vào thực hiện mục tiêu giáo dục của các tổ chức xã hội, của cộng đồng. Năng lực chuyên biệt của giáo viên tiểu học, gồm: Nhóm năng lực dạy học (Năng lực hiểu học sinh; Năng lực chế biến tài liệu; Năng lực tổ chức hoạt động của học sinh; Năng lực hiểu biết sâu rộng); Nhóm năng lực giáo dục (Năng lực hiểu nhân cách của học sinh tiểu học; Năng lực cảm hóa học sinh; Năng lực vạch dự án phát triển nhân cách; Năng lực khéo léo ứng xử sư phạm); Nhóm năng lực tổ chức hoạt động sư phạm

Hệ thống năng lực của giáo viên tiểu học được thể hiện cụ thể ở các kỹ năng, bao gồm hệ thống kỹ năng chung và các kỹ năng sư phạm đặc thù phù hợp yêu cầu từng bậc học, cấp học. Hệ thống kỹ năng đặc thù/chuyên biệt gồm kỹ năng lập kế hoạch dạy học, giáo dục, năng lực chế biến tài liệu,... trong đó kỹ năng kiểm tra, đánh giá học sinh trong hoạt động học tập và hoạt động giáo dục là một trong những kỹ năng quan trọng của giáo viên.

Trong các kỹ năng xây dựng kế hoạch bài dạy, bao gồm cả kỹ năng kiểm tra, đánh giá học sinh. Do đó, mỗi giáo viên cần có kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá người học.

Theo từ điển Tiếng Việt, thiết kế là lập tài liệu kỹ thuật toàn bộ, gồm có bản tính toán, bản vẽ,...để có thể theo đó mà xây dựng công trình, sản xuất thiết bị, sản xuất sản phẩm [13; tr943].

Kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học là khả năng vận dụng những kiến thức về đánh giá trong giáo dục tiểu học (mục tiêu, yêu cầu, mức độ,...) để thiết kế bài kiểm tra nhằm thu thập thông tin về biểu hiện kiến thức, kỹ năng và thái độ của học sinh trong học tập làm cơ sở cho việc đánh giá.

Biểu hiện của kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học của sinh viên thể hiện ở nhận thức, thái độ và thực hiện thiết kế bài kiểm tra, đánh giá.

- Nhận thức: sinh viên hiểu và phân tích được các vấn đề liên quan đến đánh giá học sinh tiểu học, thiết kế bài/đề kiểm tra, đánh giá học sinh tiểu học. Để hình thành kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học, bản thân, mỗi sinh viên được học tập, hướng dẫn rèn luyện nắm vững quy trình, mục tiêu, yêu cầu kỹ thuật, nguyên tắc thiết kế: xác định mục tiêu, nội dung, hình thức, mức độ, yêu cầu/nguyên tắc đối với từng dạng/loại bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học sinh. Hiểu và phân tích được ma trận đề và đề thi tương ứng.

- Thái độ: Trong quá trình học tập, sinh viên phải tự giác, chủ động, sẵn sàng, tích cực thực hiện các nhiệm vụ học tập do giảng viên yêu cầu liên quan đến thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh.

- Khả năng thiết kế bài/đề kiểm tra, đánh giá: Trên cơ sở kiến thức lý thuyết, sinh viên vận dụng thực hiện được các kỹ thuật thiết kế với từng dạng/loại bài kiểm tra, đánh giá: xác định mục tiêu kiểm tra, cấu trúc, yêu cầu kỹ thuật đối với từng loại bài kiểm tra; xây dựng hướng dẫn đánh/đáp án giá tuân thủ quy định về đánh giá học sinh tiểu học. Thiết kế được ma trận đề và đề thi tương ứng.

Từ đó, sinh viên biết rà soát, nhận xét về tính chính xác, tính khoa học, tính khả thi của đề thi/bài kiểm tra đánh giá kết quả học tập học sinh (thường xuyên, định kỳ).

Trong quá trình đào tạo, sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học được tiếp cận và được hướng dẫn thiết kế các dạng bài kiểm tra, đánh giá thường xuyên, đánh giá định kỳ theo quy định về đánh giá học sinh tiểu học. Sinh viên được thực hành thiết kế các dạng bài kiểm tra, đánh giá đó trong học phần Đánh giá trong giáo dục tiểu học, bao gồm: Kiểm tra miệng, tự luận (dạng bài tự luận có câu trả lời mở rộng, dạng bài tự luận có câu trả lời giới hạn), trắc nghiệm (đối chiếu cặp đôi, điền khuyết, Đúng- Sai, đa lựa chọn).

Từ yêu cầu của môn học, sinh viên nắm vững những kiến thức cơ bản về đánh giá trong giáo dục tiểu học: khái niệm, chức năng, nguyên tắc, nội dung, hình thức, phương pháp, kỹ thuật kiểm tra, đánh giá; các quan điểm tiếp cận trong đánh giá; các quy định về đánh giá học sinh tiểu học; quy trình thiết kế đề kiểm tra, bài kiểm tra, hoạt động kiểm tra, đánh giá học sinh tiểu học; tổng hợp hồ sơ đánh giá; sử dụng kết quả kiểm tra, đánh giá trong giáo dục tiểu học; các quy định về đánh giá trong giáo dục tiểu học ở Việt Nam.

Vận dụng kiến thức về đánh giá trong giáo dục tiểu học, theo dõi, quan sát, nhận diện hành vi của học sinh trong học tập, sinh hoạt; biết cách nhận xét, tư vấn, hỗ trợ học sinh; áp dụng những quy định về đánh giá vào dạy học và giáo dục ở tiểu học; biết nhận xét và sử dụng được bài kiểm tra, đề thi, bài tập thực hành, các hoạt động đánh giá học sinh tiểu học (mục tiêu, nội dung, hình thức, cấu trúc, độ khó...).

Từ đó, sinh viên thiết kế được các bài kiểm tra, bài tập thực hành, các hoạt động đánh giá học sinh tiểu học. Biết cách lập hồ sơ và hoàn thiện hồ sơ đánh giá, sử dụng kết quả đánh giá học sinh tiểu học theo quy định hiện hành.

Các loại bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập bao gồm các hình thức: vấn đáp, thực hành, kiểm tra viết (tự luận, trắc nghiệm).

1.1.4. Quá trình hình thành kỹ năng thiết kế bài kiểm tra đánh giá kết quả học tập ở tiểu học của sinh viên

** Sự hình thành kỹ năng*

- Kỹ năng là cái không phải sinh ra đã có của mỗi người, nó là sản phẩm của hoạt động thực tiễn, là kết quả của một quá trình luyện tập.

- Các giai đoạn hình thành kỹ năng :

Trên thế giới, đến nay có nhiều trường phái, nhiều cách quan niệm khác nhau về kỹ năng và sự hình thành kỹ năng. Muốn hình thành kỹ năng về một lĩnh vực hoạt động nào đó, con người phải luyện tập theo một quy trình nhất định. K.K. Platônôp đưa ra 5 giai đoạn hình thành kỹ năng như sau:

- Giai đoạn 1: Giai đoạn kỹ năng sơ đẳng: con người ý thức được mục đích hành động và tìm kiếm cách thực hiện hành động dựa trên vốn hiểu biết, kinh nghiệm sống. Hành động được thực hiện bằng cách “thử” và “sai”.

- Giai đoạn 2: Biết cách làm nhưng không đầy đủ. Có hiểu biết về phương thức thực hiện hành động; vận dụng các kỹ xảo đã có, nhưng không phải những kỹ xảo chuyên biệt dành cho hành động này.

- Giai đoạn 3: Có kỹ năng chung nhưng còn mang tính riêng lẻ

- Giai đoạn 4: Có kỹ năng phát triển cao, sử dụng sáng tạo vốn hiểu biết và các kỹ xảo đã có, ý thức được không chỉ mục đích hành động mà còn cả động cơ lựa chọn cách thức đạt mục đích.

- Giai đoạn 5: Sử dụng sáng tạo các kỹ năng khác nhau.

Ở Việt Nam, tác giả Trần Quốc Thành trong luận án Tiến sĩ Tâm lí học năm 1992 đã đưa ra 3 giai đoạn hình thành kỹ năng như sau :

- Giai đoạn 1: Nhận thức đầy đủ về mục đích, cách thức, điều kiện hành động.

- Giai đoạn 2: Quan sát mẫu và làm thử theo mẫu.

- Giai đoạn 3: Luyện tập để tiến hành các hành động theo đúng yêu cầu nhằm đạt mục đích đặt ra.

Theo tác giả Đinh Văn Đáng: Kỹ năng được hình thành trong hoạt động. Việc luyện tập đạt kết quả cao hay thấp phụ thuộc nhiều yếu tố: Điều kiện luyện tập, tính hệ thống của quá trình luyện tập, sự nỗ lực của cá nhân [1; tr9].

Kế thừa các kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học trên, kết hợp với việc nghiên cứu những đặc thù của của kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá ở tiểu học sinh viên ngành Giáo dục tiểu học cũng như thực tế quá trình đào tạo ở Trường Đại học Hoa Lư, có thể khẳng định: Để hình thành và phát triển bất kỳ một phẩm chất nhân cách, một kỹ năng nào đều phải tác động vào tất cả các mặt của đời sống tâm lý cá nhân: nhận thức, ý chí, niềm tin, tình cảm, kỹ năng hành động. Như vậy, có 3 giai đoạn hình thành kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá ở tiểu học của sinh viên ngành Giáo dục tiểu học như sau:

- Giai đoạn 1: Nhận thức: Mục tiêu của giai đoạn này là giúp người học nhận thức đầy đủ về khái niệm, quy trình, cách thức, điều kiện thực hiện hành động. Giai đoạn này chủ yếu là nắm vững lí thuyết, chưa hành động thực sự.

Ở giai đoạn này, giảng viên bồi dưỡng, nâng cao nhận thức làm cơ sở cho hành động: phải làm cho SV nhận thức đúng, đủ, chính xác các nội dung liên quan đến thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học: về mục tiêu, vai trò, ý nghĩa, nội dung, hình thức, kỹ thuật.... vận dụng thực hành thiết kế.

Nhận thức đúng sẽ có cơ hội dẫn đến hành động đúng- vận dụng phù hợp trong học tập, rèn luyện, trong đời sống xã hội. Từ nhận thức đúng đắn, sinh viên mới có cơ sở để có thái độ và hành động đúng. Nhận thức là cơ sở, là kim chỉ nam cho sự hình thành và điều chỉnh tình cảm, thái độ và hành vi của cá nhân.

- Giai đoạn 2: Quan sát mẫu và làm thử theo mẫu: ở giai đoạn này, giáo viên tập huấn, làm mẫu, mô phỏng các dạng bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập mẫu. Sinh viên quan sát giảng viên thực hiện các bước và sự phân tích, hướng dẫn để hiểu rõ quy trình, cách thức thực hiện trên cơ sở nắm vững lí thuyết hành động. Hành động ở giai đoạn này thể còn sai sót, hoặc thao tác còn lúng túng.

- Giai đoạn 3: Thực hành, luyện tập, tự rèn luyện: Mục tiêu của giai đoạn này là để hình thành và rèn luyện kỹ năng, hành động còn ít sai sót, các thao tác trở nên thuần thục dần; hành động có kết quả trong điều kiện quen thuộc và trong điều kiện mới. Ba giai đoạn này gắn bó chặt chẽ với 3 quá trình đào tạo và tự đào tạo ở trường sư phạm hiện nay.

Việc phân chia giai đoạn này chỉ có tính chất tương đối. Trên thực tế, các giai đoạn này có thể tiến hành đan xen và đặc biệt việc luyện tập và tự rèn luyện là yêu cầu không thể thiếu, có thể diễn ra ở các giai đoạn còn lại.

Sinh viên thực hành luyện tập cá nhân, phối hợp với nhóm theo quy trình và yêu cầu kỹ thuật.

Ở mỗi giai đoạn của quá trình hình thành kỹ năng, giảng viên cần bồi dưỡng những tình cảm đúng đắn đối với việc tham gia rèn luyện hình thành kỹ năng. Từ đó tạo dựng niềm tin, hứng khởi, đam mê trong học tập, rèn luyện.

Với vai trò là động cơ thúc đẩy hành động, trong quá trình rèn luyện cần phải bồi dưỡng những tình cảm thái độ tích cực, đúng đắn cho sinh viên về việc rèn luyện kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh, sửa chữa, khắc phục những cảm xúc sai lệch, chưa đúng đắn. Khi có thái độ đúng đắn sẽ thúc đẩy sinh viên cố gắng, nỗ lực học tập rèn luyện.

Thực tiễn đời sống cho thấy có nhận thức đúng nhưng do thái độ sai lệch thì chưa chắc đã dẫn đến hành động đúng, có khi còn làm sai lệch, xuyên tạc, bóp méo sự thật, điều đó nói lên sự chi phối ngược lại của tình cảm đối với nhận thức.

Trong quá trình hướng dẫn rèn kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh cần phải tác động đồng bộ cả ba mặt nhận thức, niềm tin, thái độ thành hành động thực tế. Ba mặt đó của quá trình rèn luyện có mối quan hệ biện chứng, tác động qua lại chặt chẽ với nhau. Nhận thức là cơ sở, tình cảm là động lực, hành vi, thói quen là mục đích. Quá trình rèn luyện kỹ năng đó là một quá trình thường xuyên, liên tục, kiên trì, khắc phục khó khăn nảy sinh.

- Hình thành trong quá trình học tập môn học, thực hành sự phạm thường xuyên ở cả nhận thức, thái độ và hành vi

- Hình thành, hoàn thiện trong quá trình công tác, tự học, tự bồi dưỡng, trau dồi chuyên môn nghiệp vụ. Các kỹ năng nghề nghiệp nói chung, đặc biệt kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh tiếp tục được hình thành và hoàn thiện dần trong quá trình mỗi cá nhân thực hiện nhiệm vụ tại các trường tiểu học.

1.1.5. Biện pháp rèn luyện kỹ năng thiết kế bài kiểm tra đánh giá kết quả học tập ở tiểu học cho sinh viên

Rèn luyện là luyện tập nhiều trong thực tế để đạt tới những phẩm chất hay trình độ vững vàng thông thạo.

Biện pháp là cách làm, cách thức tiến hành giải quyết một vấn đề cụ thể. Biện pháp là các hành động lựa chọn sao cho phù hợp với mục đích.

Biện pháp là cách làm, cách thức đi tới mục đích nhất định. Khi sử dụng biện pháp trong quá trình sư phạm nhằm mục đích giáo dục học sinh thì biện

pháp trở thành một thành tố quan trọng của quá trình giáo dục. Việc xác định đúng biện pháp sẽ góp phần nâng cao hiệu quả giải quyết công việc nhanh chóng đạt được mục đích đề ra. Biện pháp thể hiện sự sáng tạo của giáo viên trong quá trình dạy học.

Biện pháp rèn luyện kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập cho sinh viên là quá trình giảng viên hướng dẫn, tổ chức cho sinh viên thực hành, luyện tập để hình thành kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập đối với học sinh tiểu học nhằm thu thập thông tin về biểu hiện kiến thức, kỹ năng và thái độ của học sinh trong học tập làm cơ sở cho việc đánh giá.

Căn cứ vào mục tiêu, khung chương trình môn học, các quy định về đánh giá học sinh tiểu học, kết hợp với việc nghiên cứu lí luận và thực tiễn về thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học, chúng tôi xác định cần trang bị kiến thức và rèn luyện hình thành kỹ năng kiểm tra, đánh giá cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học trong phạm vi học phần Đánh giá trong giáo dục tiểu học, trong đó tập trung vào hình thành kỹ năng thiết kế bài kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh, cụ thể như sau:

- Tổ chức cho sinh viên tiếp cận và nắm vững những vấn đề lý thuyết liên quan đến kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học (quy trình, mục tiêu, yêu cầu kỹ thuật, nguyên tắc thiết kế): xác định mục tiêu, nội dung, hình thức, mức độ, yêu cầu/nguyên tắc đối với từng dạng/loại bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học sinh. Hiểu và phân tích được ma trận đề và đề thi tương ứng.

- Tổ chức cho sinh viên phân tích bài kiểm tra, ma trận đề, đề thi tương ứng để hiểu: Mục tiêu, yêu cầu kỹ thuật, nội dung, hình thức, cấu trúc, mức độ khó,...; quy trình thiết kế; các tiêu chí nhận xét đánh giá bài kiểm tra, đề thi...; cấu trúc đề, các dạng đề kiểm tra đánh giá (tự luận, trắc nghiệm, kiểm tra miệng, bài thực hành. Sinh viên về nhà tiếp tục nghiên cứu theo hướng dẫn của GV.

- Hình thành thái độ đúng đắn trong học tập: Trong quá trình tổ chức cho sinh viên nắm bắt kiến thức lý thuyết, giảng viên xây dựng các nhiệm vụ học tập, sử dụng các phương pháp rèn luyện, giao việc,... khơi gợi, phát huy tính tự giác, chủ động, sẵn sàng, tích cực thực hiện các nhiệm vụ học tập do giảng viên

yêu cầu liên quan đến thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh trong phạm vi môn học.

- Hướng dẫn sinh viên rèn luyện, hình thành kỹ năng: GV tổ chức cho SV thực hành bằng cách xây dựng các nhiệm vụ cụ thể dưới 2 hình thức: các nhiệm vụ cho cá nhân và các nhiệm vụ cho nhóm. Thực hiện được các kỹ thuật thiết kế với từng dạng/loại bài kiểm tra, đánh giá: xác định mục tiêu kiểm tra, cấu trúc, yêu cầu kỹ thuật đối với từng loại bài kiểm tra; xây dựng hướng dẫn đánh giá/đáp án tuân thủ quy định về đánh giá học sinh tiểu học, thiết kế được ma trận đề và đề thi tương ứng.

- + Các nhiệm vụ cho cá nhân, bao gồm: nhận diện bài kiểm tra, ma trận đề, đề thi tương ứng; xây dựng từng dạng bài kiểm tra theo quy trình, yêu cầu kỹ thuật và các quy định về đánh giá học sinh tiểu học.

- + Các nhiệm vụ cho nhóm: tổ chức cho sinh viên tiếp cận, nhận diện, phân tích ma trận đề thi và đề thi tương ứng (đề minh họa do GV cung cấp).

- Tổ chức cho sinh viên báo cáo và nhận xét sản phẩm thiết kế và rút ra bài học cho bản thân. Qua đó, hình thành kỹ năng rà soát, nhận xét về tính chính xác, tính khoa học, tính khả thi của đề thi/bài kiểm tra đánh giá kết quả học tập học sinh (thường xuyên, định kỳ).

- GV đánh giá và kết luận.

Trong phạm vi nghiên cứu của đề tài, nhóm nghiên cứu chỉ tập trung đánh giá quá trình rèn luyện kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá ở môn Toán lớp 3 với các dạng bài: tự luận, trắc nghiệm (điền khuyết, đối chiếu cặp đôi, Đúng-Sai, đa lựa chọn)

1.1.6. Chương trình môn Toán lớp 3 ở tiểu học

Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo các văn bản hướng dẫn (Công văn số 3036/BGDĐT-GDTH ngày 20/7/2021 về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện nội dung giáo dục của địa phương cấp Tiểu học; Công văn số 3535/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 về việc hướng dẫn thực hiện nội dung Hoạt động trải nghiệm ở cấp tiểu học; Công văn số 3539/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 về việc hướng dẫn tổ chức dạy học Tin học và tổ chức hoạt động tin

học ở cấp tiểu học), chương trình môn Toán lớp 3 ở tiểu học gồm các nội dung: Số học; Đại lượng, đo đại lượng; Phần hình học; Một số bài toán có lời văn

Chương trình môn toán lớp 3 được thiết kế đáp ứng phù hợp với chương trình giáo dục đại trà vì thế sau khi hoàn thành chương trình học Toán lớp 3, học sinh cần phải nắm được cách đọc, viết và so sánh các số từ 0 -1000; Học thuộc các bảng nhân, chia, tính tổng, trừ phạm vi 1000, tính nhẩm các phép tính đơn giản; Biết cách tính giá trị biểu thức có chứa 2 dấu phép tính theo đúng quy tắc và thứ tự ưu tiên.; gọi tên, ký hiệu các đơn vị đo lường hiện nay; Biết cách xem đồng hồ, lịch đơn giản; Tự giải được bài Toán có lời văn, các bài Toán trắc nghiệm cơ bản hiện nay.

1.2. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH KỸ NĂNG THIẾT KẾ BÀI KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP Ở TIỂU HỌC CHO SINH VIÊN

Kỹ năng được hình thành trong hoạt động. Việc luyện tập đạt kết quả cao hay thấp phụ thuộc nhiều yếu tố:

- Điều kiện luyện tập
- Tính hệ thống của quá trình luyện tập
- Sự nỗ lực của cá nhân

Chúng tôi nhận thấy có các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả rèn luyện kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học của sinh viên như sau:

1.2.1. Yếu tố khách quan

- Chương trình, kế hoạch đào tạo, nội dung các học phần liên quan, nội dung học phần Đánh giá trong giáo dục tiểu học.

- Thời lượng chương trình môn Đánh giá trong giáo dục tiểu học dành cho rèn những kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá học sinh là 30 tiết (trên lớp); sinh viên tiếp tục tự thực hành trong thời gian ở nhà. Bên cạnh đó, sinh viên có thể được tiếp tục được rèn luyện, củng cố kỹ năng này ở các môn học Phương pháp dạy học bộ môn như học phần: Phương pháp dạy học Toán ở Tiểu học 1, 2; Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học 1, 2; Phương pháp dạy học Tự nhiên - Xã hội 1,2,...

- Điều kiện phương tiện đáp ứng tổ chức hoạt động: tài liệu hướng dẫn, tài liệu tham khảo có liên quan phục vụ cho việc học tập môn học.

- Nhận xét của bạn: Trong quá trình thiết kế đòi hỏi người học kết hợp các hình thức luyện tập cá nhân và nhóm. Sau thời gian luyện tập, sinh viên trình bày sản phẩm, tự nhận xét và nhận xét lẫn nhau, do đó nêu khả năng tự đánh giá và đánh giá của bạn chính xác, khoa học là cơ sở cho khả năng phát huy điểm mạnh và khắc phục, sửa chữa những thiếu sót của bản thân.

- Phương pháp hướng dẫn và đánh giá của giảng viên: Nhận xét, đánh giá của giảng viên về kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học một mặt ghi nhận cái mà người học đạt được, giúp người học chuẩn hóa kiến thức, kỹ năng; tư vấn, hỗ trợ người học hoàn thiện kỹ năng nghề nghiệp.

- Hệ thống học liệu hỗ trợ sinh viên thực hành: tài liệu, sách giáo khoa, các đề tham khảo, kiến thức thực tế,... Khi thiết kế thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học, GV cần căn cứ mục tiêu giáo dục nói chung và mục tiêu của môn học nói riêng và đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, phù hợp đối tượng và các nguyên tắc đánh giá

1.2.2. Yếu tố chủ quan

- Nhận thức của bản thân sinh viên về tầm quan trọng, ý nghĩa của kiểm tra, đánh giá trong giáo dục, ý nghĩa của rèn luyện nhằm hình thành kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học trong quá trình học tập tại trường; mức độ nắm vững kiến thức chuyên nghiệp, kiến thức ngành của sinh viên là yếu tố ảnh hưởng thuận lợi hoặc cản trở quá trình hình thành kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học của sinh viên. Nhận thức đúng đắn, đầy đủ kiến thức cơ bản và yêu cầu của học phần, yếu tố kỹ thuật trong thiết kế và tổ chức là cơ sở nền tảng để rèn luyện kỹ năng.

- Thái độ của sinh viên trong thời gian học tập các môn học, thực hành trong môn Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 1,2 có thể ảnh hưởng tích cực hoặc tiêu cực đến mức độ tự giác tham gia hoạt động, thực hiện các nhiệm vụ học tập về số lượng, chất lượng, sự tự giác,...

- Khả năng, mức độ phối hợp nhóm của sinh viên có thể ảnh hưởng đến kết quả rèn luyện của sinh viên bởi sự tương tác, nhận xét của bạn giúp sinh viên thu nhận được góp ý để hoàn thiện kỹ năng nghề nói chung, kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học nói riêng.

- Hình thành kỹ năng đòi hỏi quá trình luyện tập thường xuyên, lâu dài, thời gian học tập, rèn luyện ở trên lớp không đủ hình thành kỹ năng thuần thực. Thời gian tự tập luyện ở nhà của sinh viên sau khi được giảng viên làm mẫu, hướng dẫn, làm thử,... quyết định mức độ đạt được của kỹ năng: biết làm, làm được nhưng còn lúng túng hay thuần thực ở các kỹ năng.

Kết luận chương 1

Để nghiên cứu thực trạng kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học của sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học ở Trường Đại học Hoa Lư, chúng tôi sử dụng khái niệm cơ bản sau:

Kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học là khả năng vận dụng những kiến thức về đánh giá trong giáo dục tiểu học (mục tiêu, yêu cầu, mức độ,...) để thiết kế bài kiểm tra nhằm thu thập thông tin về biểu hiện kiến thức, kỹ năng và thái độ của học sinh trong học tập làm cơ sở cho việc đánh giá.

Việc hình thành kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học được thực hiện đồng thời từ hình thành nhận thức đến thái độ, hành vi.

Quá trình rèn luyện kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học của sinh viên chịu ảnh hưởng của các yếu tố khách quan và chủ quan.

Chương 2. THỰC TRẠNG KỸ NĂNG THIẾT KẾ BÀI KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP Ở TIỂU HỌC CỦA SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

2.1. VÀI NÉT VỀ ĐÀO TẠO NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ VÀ CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC ĐÁNH GIÁ TRONG GIÁO DỤC TIỂU HỌC

2.1.1. Vài nét về đào tạo ngành Giáo dục Tiểu học ở Trường Đại học Hoa Lư

Khoa Sư phạm Tiểu học - Mầm non Trường Đại học Hoa Lư được thành lập năm 2009. Hiện nay Khoa đang quản lý, đào tạo 2 ngành học: Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Mầm non ở các trình độ đại học và cao đẳng. Ngành Giáo dục Tiểu học trình độ đại học của Trường Đại học Hoa Lư được Bộ GD&ĐT cho phép tuyển sinh và đào tạo từ năm học 2016. Đến nay, Khoa đã và đang đào tạo được 8 khóa, trong đó đã có 4 khóa tốt nghiệp.

Mục tiêu cụ thể của CTĐT ngành Giáo dục Tiểu học gồm kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm cá nhân. CTĐT quy định cụ thể thời lượng lý thuyết, thực hành/thí nghiệm/thảo luận, tự học/nghiên cứu/trải nghiệm và dự kiểm tra đánh giá của mỗi học phần, đảm bảo mỗi tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học định mức của người học theo quy định. Các học phần chuyên ngành trong Chương trình dạy học đều được xây dựng với ít nhất 1 tín chỉ thực hành, tạo điều kiện cho SV được thực hành nghề nghiệp

Thời gian đào tạo cử nhân ngành Giáo dục tiểu học là 4 năm, trong thời gian đào tạo, sinh viên được thực hành, thực tập, thực tế. Quá trình học tập, thi, đánh giá được thực hiện theo quy chế và được công bố công khai. Nhà trường có các chính sách quản lý và có chính sách khen thưởng sinh viên trong học tập và các hoạt động giáo dục khác.

Sinh viên tốt nghiệp ngành Giáo dục Tiểu học đều được tuyển dụng làm việc ở các cơ sở giáo dục tiểu học, các trường tiểu học trong và ngoài tỉnh Ninh Bình. Chất lượng đào tạo sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học được các đơn vị sử dụng đánh giá cao về phẩm chất và năng lực nghề nghiệp. Một số sinh viên sau

khi tốt nghiệp công tác ở các trường tiểu học đã bộc lộ rõ năng lực nghề nghiệp, nhiều em đã được các giải cao trong các kỳ thi Giáo viên Giỏi bậc Tiểu học.

2.1.2. Chương trình môn học Đánh giá trong giáo dục tiểu học

Môn học (học phần) Đánh giá trong giáo dục tiểu học là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học của Trường Đại học Hoa Lư.

Số tín chỉ: 2 (1 lý thuyết; 1 thực hành)

Tổng thời lượng: 45 giờ

Mô tả tóm tắt học phần: Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về đánh giá trong giáo dục tiểu học: khái niệm, chức năng, nguyên tắc, nội dung, hình thức, phương pháp, kỹ thuật kiểm tra, đánh giá, lập hồ sơ đánh giá, sử dụng kết quả kiểm tra, đánh giá trong giáo dục tiểu học; các quy định về đánh giá trong giáo dục tiểu học ở Việt Nam.

*Mục tiêu của học phần:

- *Mục tiêu chung*: Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về đánh giá trong giáo dục tiểu học: khái niệm, chức năng, nguyên tắc, nội dung, hình thức, phương pháp, kỹ thuật kiểm tra, đánh giá, lập hồ sơ đánh giá, sử dụng kết quả kiểm tra, đánh giá trong giáo dục tiểu học; các quy định về đánh giá trong giáo dục tiểu học ở Việt Nam, từ đó hình thành cho sinh viên kỹ năng đánh giá trong giáo dục tiểu học.

- *Mục tiêu cụ thể*:

Kiến thức (Knowledge):

Sinh viên nắm vững những kiến thức cơ bản về đánh giá trong giáo dục tiểu học: khái niệm, chức năng, nguyên tắc, nội dung, hình thức, phương pháp, kỹ thuật kiểm tra, đánh giá; các quan điểm tiếp cận trong đánh giá; các quy định về đánh giá học sinh tiểu học; quy trình thiết kế đề kiểm tra, bài kiểm tra, hoạt động kiểm tra, đánh giá học sinh tiểu học, tổng hợp hồ sơ đánh giá; sử dụng kết quả kiểm tra, đánh giá trong giáo dục tiểu học; các quy định về đánh giá trong giáo dục tiểu học ở Việt Nam.

Kỹ năng (Skills):

- Vận dụng kiến thức về đánh giá trong giáo dục tiểu học, theo dõi, quan sát, nhận diện hành vi của học sinh trong học tập, sinh hoạt; biết cách nhận xét, tư vấn, hỗ trợ học sinh; áp dụng những quy định về đánh giá vào dạy học và giáo dục ở tiểu học; biết đánh giá và sử dụng được bài kiểm tra, đề thi, bài tập thực hành, các hoạt động đánh giá học sinh tiểu học (mục tiêu, nội dung, hình thức, cấu trúc, độ khó...).

- Thiết kế được các bài kiểm tra, bài tập thực hành, các hoạt động đánh giá học sinh tiểu học.

- Biết cách lập hồ sơ và hoàn thiện hồ sơ đánh giá, sử dụng kết quả đánh giá học sinh tiểu học theo quy định hiện hành.

Thái độ (Attitude):

Nghiêm túc, hứng thú, yêu thích môn học, tích cực, tự tin, nỗ lực hoàn thiện bản thân.

*Chuẩn đầu ra của học phần

STT	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Thang đo Bloom
1	Phân tích được những kiến thức cơ bản về đánh giá và đánh giá trong giáo dục tiểu học: khái niệm, chức năng, nguyên tắc, nội dung, hình thức, phương pháp, kỹ thuật kiểm tra, đánh giá, tổng hợp hồ sơ đánh giá trong giáo dục tiểu học; các quy định về đánh giá trong giáo dục tiểu học ở Việt Nam.	Phân tích
2	Vận dụng kiến thức về đánh giá trong giáo dục tiểu học để thực hiện các hoạt động đánh giá: theo dõi, quan sát, nhận diện hành vi của học sinh trong học tập, sinh hoạt; thu thập thông tin về học sinh, nhận xét, tư vấn, hỗ trợ học sinh; sử dụng được các công cụ đánh giá học sinh tiểu học (bài kiểm tra, đề thi, bài tập thực hành, các hoạt động đánh giá).	Vận dụng

3	Thiết kế được các bài kiểm tra, bài tập thực hành, các hoạt động đánh giá học sinh tiểu học; phiếu thu thập thông tin; tổng hợp hồ sơ đánh giá học sinh tiểu học.	Sáng tạo
4	Có kỹ năng thuyết trình và làm việc nhóm	Phi nhận thức
5	Có đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội và khả năng tự học, tự hoàn thiện bản thân	Phi nhận thức

*Nội dung chi tiết học phần gồm 3 chương:

Chương 1. Những vấn đề chung về đánh giá trong giáo dục (5 tiết)

Chương 2. Đánh giá trong giáo dục tiểu học (10 tiết)

Chương 3. Thực hành đánh giá trong giáo dục tiểu học (30 tiết)

2.2. TỔ CHỨC KHẢO SÁT

2.2.1. Mục đích khảo sát

Khảo sát thực trạng kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học của sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học Trường Đại học Hoa Lư đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả rèn luyện kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học của sinh viên trong giảng dạy học phần Đánh giá trong giáo dục tiểu học.

2.2.2. Nội dung khảo sát

- Nhận thức của sinh viên về sự cần thiết phải có kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học.
- Khảo sát tự đánh giá kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học của sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học Trường Đại học Hoa Lư.
- Đánh giá kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học của sinh viên.
- Tìm hiểu mức độ khó khăn của sinh viên trong quá trình hình thành kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học.
- Tìm hiểu những yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học của sinh viên.

2.2.3. Cách thức, thời gian tiến hành khảo sát

Bước 1: Tiến hành khảo sát

- Gửi phiếu khảo sát sinh viên các lớp D14 Tiểu học để tìm hiểu nhận thức của sinh viên về sự cần thiết phải hình thành kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học, thực trạng kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học, các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình hình thành kỹ năng này của sinh viên.

- Quan sát quá trình xây dựng bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học của sinh viên: các biểu hiện về nhận thức, thái độ, hành vi của sinh viên trong học tập, thực hiện các nhiệm vụ được giao và thực hành thiết kế bài kiểm tra, đánh giá.

- Tiến hành đàm thoại, trao đổi ý kiến với giảng viên giảng dạy học phần Đánh giá trong giáo dục tiểu học, sinh viên ngành Giáo dục tiểu học nhằm làm sáng tỏ và cụ thể hóa các nội dung khảo sát, đồng thời xác định nguyên nhân của thực trạng.

- Đánh giá mức độ thực hiện kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học của sinh viên.

Bước 2: Xử lý kết quả khảo sát

Bước 3: Phân tích thực trạng và tìm ra nguyên nhân ảnh hưởng đến thực trạng.

Thời gian khảo sát thực trạng tiến hành từ tháng 9/2023 đến tháng 10/2023.

2.2.4. Tiêu chí, thang đánh giá kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học

* Tiêu chí đánh giá kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập được chắt lọc từ sản phẩm của sinh viên, bao gồm:

1. Phù hợp mục tiêu
2. Phù hợp chương trình
3. Phù hợp nội dung học sinh được tiếp cận/học
4. Đảm bảo cấu trúc của từng dạng/loại
5. Mức độ khó đảm bảo theo các quy định hiện hành về đánh giá học sinh tiểu học (bám sát thang nhận thức Bloom) .
5. Đảm bảo tính hệ thống

6. Đảm bảo tính giáo dục
7. Đảm bảo tính thực tiễn
8. Đảm bảo tính phát triển
9. Phù hợp với nhận thức của học sinh tiểu học
10. Diễn đạt rõ ràng, khoa học

* Thang đánh giá kỹ năng bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học là thang điểm 10, mỗi tiêu chí tối đa được 1 điểm, trong đó 4 tiêu chí (từ 1 đến 4) là yêu cầu tối thiểu sinh viên phải đạt, cụ thể như sau:

Bảng 2.1. Thang đánh giá kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học

Mức độ	Thực hiện rất tốt	Thực hiện đúng	Biết thực hiện nhưng còn lúng túng	Chưa biết thực hiện
Điểm	8 - 10	6 - < 8	4 - < 6	Dưới 4

2.3. KẾT QUẢ KHẢO SÁT

2.3.1. Nhận thức của sinh viên về sự cần thiết cần phải hình thành kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học

Để tìm hiểu nhận thức của sinh viên về sự cần thiết cần phải hình thành kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học, chúng tôi đã sử dụng phiếu khảo sát sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học gồm 206 sinh viên D14TH. Kết quả cụ thể như sau:

Bảng 2.2. Nhận thức của sinh viên về sự cần thiết cần phải hình thành kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học

Mức độ	Rất cần thiết	Cần thiết	Bình thường	Không cần thiết	TBC
Số lượng	158	31	17	0	3.68

Ghi chú: Việc tính điểm các mức độ được thực hiện như sau:

- Mức 1. Không cần thiết: 1 điểm
- Mức 2. Bình thường: 2 điểm
- Mức 3. Cần thiết: 3 điểm
- Mức 4. Rất cần thiết: 4 điểm

Với kết quả thu được cho thấy sinh viên đều đánh giá kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học rất cần thiết với điểm trung bình chung 3,68. Hầu hết sinh viên D14 ngành GDTH đều xác định được các yêu cầu về phẩm chất, năng lực cần có của người giáo viên tiểu học. Trong hệ thống kỹ năng sư phạm bao gồm kỹ năng tổ chức các hoạt động dạy học, giáo dục thì kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập là một trong những kỹ năng cần thiết, giữ vai trò quan trọng đối với giáo viên nói chung và giáo viên tiểu học nói riêng. Để thực hiện được nhiệm vụ của nhà giáo, đáp ứng cầu của chương trình giáo dục phổ thông 2018 thì mỗi giáo viên thực hiện các hoạt động dạy học, giáo dục trong đó bao gồm các hoạt động đánh giá học sinh để tự vấn hỗ trợ, cải tiến chất lượng. Muốn thực hiện được các hoạt động này đòi hỏi giáo viên phải có các công cụ để thu thập thông tin, đó là các bài/đề kiểm tra, đánh giá. Trên cơ sở thu thập thông tin về học sinh, giáo viên sẽ phân tích và cho nhận xét, đánh giá, tư vấn, hỗ trợ để giúp học sinh tiến bộ, góp phần nâng cao chất lượng dạy học, giáo dục.

2.3.2. Thực trạng kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học của sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học trường Đại học Hoa Lư

Quá trình rèn luyện thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học được thực hiện trong môn học Đánh giá trong giáo dục tiểu học. Thời lượng học trên lớp dành cho nội dung thực hành thiết kế bài kiểm tra, đánh giá là 30 giờ, ngoài ra, sinh viên cũng được rèn luyện kỹ năng này trong các môn phương pháp dạy học bộ môn.

Căn cứ vào mục tiêu, khung chương trình môn học, các quy định về đánh giá học sinh tiểu học, kết hợp với việc nghiên cứu lí luận và thực tiễn về thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học, giảng viên tập trung hướng dẫn sinh viên rèn luyện hình thành kỹ năng thiết kế bài kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh.

Các nhiệm vụ trong bài thực hành bao gồm: Xác định mục tiêu, nội dung, hình thức bài kiểm tra, hướng dẫn đánh giá. Giảng viên lựa chọn các bài học

trong mỗi môn học theo chương trình bậc tiểu học hiện hành, yêu cầu sinh viên thiết kế câu hỏi/bài tập theo yêu cầu kỹ thuật đã được hướng dẫn. Giảng viên tổ chức cho sinh viên báo cáo, nhận xét và chữa bài, chuẩn hóa kiến thức, kỹ thuật.

Phần lớn sinh viên thực hiện các nhiệm vụ học tập, thực hành cá nhân hoặc nhóm theo yêu cầu của giảng viên. Cùng với thời gian thực hành trên lớp, sinh viên tự thực hành tại nhà.

Để hình thành kỹ năng thiết kế đề kiểm tra, đánh giá học sinh đòi hỏi sự nỗ lực, tích cực của sinh viên quá trình học tập từ tiếp cận lý thuyết, luyện tập, báo cáo sản phẩm, tự nhận xét, đánh giá, điều chỉnh thông qua yêu cầu, đánh giá của bạn, của giảng viên.

Chúng tôi đã khảo sát tìm hiểu thông tin tự đánh giá của sinh viên về mức độ tích cực tham gia các nhiệm vụ học tập và rèn luyện kỹ năng thiết kế đề kiểm tra, đánh giá học sinh tiểu học ở trên lớp/ở nhà của bản thân, kết quả thu được như sau:

Bảng 2.3. Đánh giá của sinh viên về mức độ tích cực tham gia các nhiệm vụ học tập và rèn luyện kỹ năng thiết kế đề kiểm tra, đánh giá học sinh tiểu học ở trên lớp/ở nhà của bản thân

Mức độ	Rất tích cực	Tích cực	Bình thường	Chưa tích cực	TBC
Số lượng	88	85	17	16	3.19

Ghi chú: Việc tính điểm các mức độ được thực hiện như sau:

Mức 1. Chưa tích cực: 1 điểm

Mức 2. Bình thường: 2 điểm

Mức 3. Tích cực: 3 điểm

Mức 4. Rất tích cực: 4 điểm

Với kết quả thu được cho thấy sinh viên tự đánh giá đã tích cực trong học tập, rèn luyện kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học rất quan trọng với điểm trung bình chung 3,19. Mức độ tích cực của sinh viên có ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả học tập. Kết quả các bài kiểm tra thu được cho thấy sinh viên cơ bản hiểu được các nội dung liên quan đến yêu cầu thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học. Qua quan sát trực tiếp và trao đổi với giảng viên giảng dạy chúng tôi nhận thấy sinh viên thực hiện đầy đủ các

nhệm vụ học tập được giao ở trên lớp. Các nhệm vụ được giao về nhà, các sản phẩm yêu cầu sinh viên cơ bản đáp ứng được theo yêu cầu của giảng viên. Tuy nhiên, trong kết quả khảo sát thu được, còn 16 sinh viên thừa nhận chưa tích cực học tập, rèn luyện; 17 sinh viên tự đánh giá trong học tập chưa nỗ lực, học tập, rèn luyện. Vì vậy trong bài thực hành, bài kiểm tra vẫn có sinh viên đạt điểm chưa cao hoặc có rất nhiều lỗi về kỹ thuật trong thiết kế, nguyên nhân các em tự thừa nhận do không chú trọng quá trình giảng viên hướng dẫn, hoặc không chú ý trong quá trình giảng viên tổ chức nhận xét, rút ra bài học cho bản thân.

Bên cạnh khảo sát bằng phiếu hỏi, chúng tôi quan sát và trao đổi với sinh viên, giảng viên tham gia giảng dạy học phần, kết quả cho thấy: hầu hết sinh viên nhận thức rõ về sự cần thiết phải rèn luyện để hình thành kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá học sinh để thực hiện nhệm vụ của người giáo viên trong dạy học và đánh giá học sinh.

Chúng tôi cũng tiến hành khảo sát mức độ tự học và thực hiện các nhệm vụ học tập và rèn luyện kỹ năng thiết kế đề kiểm tra, đánh giá học sinh tiểu học ở nhà của bản thân sinh viên, kết quả thu được như sau:

Bảng 2.4. Tự đánh giá của sinh viên về mức độ tự học và thực hiện từng nhệm vụ học tập và rèn luyện kỹ năng thiết kế đề kiểm tra, đánh giá học sinh tiểu học của bản thân

STT	Nội dung đánh giá	Mức độ					
		Rất tích cực	Tích cực	Bình thường	Chưa tự giác, tích cực	TBC	Thứ bậc
1	Tự học ở nhà	62	89	39	16	2.96	5
2	Thực hiện các nhệm vụ cá nhân trên lớp	81	99	19	7	3.23	1
3	Thực hiện các nhệm vụ làm việc nhóm trên lớp	51	64	51	18	2.83	6
4	Thực hiện các nhệm vụ cá nhân ở nhà	69	98	24	15	3.07	3
5	Thực hiện các nhệm vụ làm việc nhóm ở nhà	45	69	46	46	2.55	7
6	Tự nhận xét bản thân	66	87	39	14	3.00	4
7	Nhận xét bạn, nhóm	80	83	31	12	3.12	2
Trung bình						3.00	

Ghi chú: Việc tính điểm các mức độ được thực hiện như sau:

Mức 1. Chưa tự giác, tích cực: 1 điểm

Mức 2. Bình thường: 2 điểm

Mức 3. Tích cực: 3 điểm

Mức 4. Rất tích cực: 4 điểm

Kết quả thu được cho thấy sinh viên đã tích cực thực hiện các nhiệm vụ học tập và rèn luyện kỹ năng thiết kế đề kiểm tra, đánh giá (điểm trung bình là 3,0). Trong các nhiệm vụ được giao, sinh viên tích cực thực hiện các nhiệm vụ trên lớp nói chung (điểm trung bình là 3,21), đặc biệt nhiệm vụ cá nhân (điểm trung bình là 3,23). Khi trao đổi với sinh viên, hầu hết các em đều khẳng định đã chủ động bố trí tự học ở nhà nhưng chưa thực sự tích cực. Trong quá trình giảng viên tổ chức cho sinh viên báo cáo sản phẩm, tự nhận xét và nhận xét bạn, đa số sinh viên đã bám sát tiêu chí, nhận xét thẳng thắn, khách quan, cởi mở. Kết quả khảo sát cũng cho thấy, sinh viên chưa tích cực thực hiện các nhiệm vụ làm việc theo nhóm kể cả trên lớp (điểm trung bình chung là 2,83) và ở nhà (2,55). Vai trò đóng góp của mỗi sinh viên trong nhóm hạn chế, sản phẩm của nhóm chủ yếu là sự đóng góp của một vài thành viên tích cực trong nhóm.

Để có thông tin đầy đủ về thực trạng học tập, rèn luyện và mức độ đạt được của kỹ năng thiết kế đề kiểm tra, đánh giá, bên cạnh, khảo sát bằng phiếu hỏi và trao đổi với sinh viên, giảng viên tham gia giảng dạy học phần, kết quả cho thấy: hầu hết sinh viên nhận thức rõ vị trí vai trò của môn học trong Chương trình đào tạo giáo viên tiểu học và hầu hết sinh viên tích cực, thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của giáo viên giao. Tuy nhiên, qua nghiên cứu kết quả đánh giá thể hiện trên điểm số các bài thực hành hoặc nhận xét từ các bài thực hành cho thấy sinh viên D14TH đều hoàn thành bài thực hành theo đúng số lượng, yêu cầu cần đạt trong đề cương chi tiết học phần. Bên cạnh những sinh viên tự giác, tích cực thực hiện các nhiệm vụ mà giảng viên giao (sưu tầm các ma trận đề, đề thi, tự xây dựng các bài kiểm tra của từng bài học, ở trong mỗi môn học trong chương trình tiểu học,...) vẫn còn một số sinh viên chưa tích cực, ỉ lại khi làm việc nhóm, chờ đợi kết quả chung của nhóm từ các thành viên khác, mức độ đóng góp cho các sản phẩm chung hạn chế. Có những sinh viên thực hiện nhiệm vụ

một cách hời hợt, đối phó. Trong quá trình rèn luyện, chúng tôi có quan sát, cho sinh viên đánh giá về mức độ tích cực, mức độ đóng góp của mỗi thành viên trong nhóm, mỗi nhóm đều bình bầu những bạn rất tích cực, những bạn tích cực ở mức bình thường và những bạn chưa tích cực làm cơ sở để giảng viên đánh giá ý thức học tập của sinh viên, việc đánh giá này đã tạo ra sự chuyển biến trong các hoạt động tiếp theo, các em đã tích cực hơn. Nhưng về cơ bản các em mới chỉ quan tâm nhiều đến điểm số mà chưa thực sự nhận thấy việc tích cực rèn luyện là điều kiện quan trọng để hành thành các kỹ năng nghề nghiệp nói chung và kỹ thiết kế bài kiểm tra đánh giá học sinh ở tiểu học nói riêng. Điều này sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả rèn luyện của bản thân.

Quá trình rèn luyện kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá của sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học ở Trường Đại học Hoa Lư được thực hiện trong môn học (học phần) Đánh giá trong giáo dục tiểu học. Đây là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học của Trường Đại học Hoa Lư. Nội dung học phần bao gồm kiến thức cơ bản về đánh giá trong giáo dục tiểu học, các quy định về đánh giá trong giáo dục tiểu học ở Việt Nam, kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá. Trong quá trình giảng dạy học phần, giảng viên hướng dẫn sinh viên quy trình các bước và kỹ thuật thiết kế bài kiểm tra, đánh giá học sinh học sinh đảm bảo yêu cầu, nguyên tắc thiết kế, bám sát mục tiêu, nội dung, chương trình theo khối lớp. Sinh viên nắm được các dạng bài kiểm tra, đánh giá về mục tiêu cần đo, cấu trúc, yêu cầu của từng loại: kiểm tra miệng, vấn đáp, tự luận (câu hỏi tự luận dạng trả lời hạn chế, câu hỏi tự luận dạng trả lời mở rộng), trắc nghiệm (Điền khuyết, Đúng - Sai, Đối chiếu cặp đôi, đa lựa chọn), từ đó sinh viên có khả năng thiết kế được các dạng bài kiểm tra đánh giá.

Khi sinh viên thiết kế bài kiểm tra đánh giá (và tổ chức kiểm tra đánh giá) cần đảm bảo đánh giá được các năng lực khác nhau của học sinh; đảm bảo tính khách quan, tính toàn diện, tính hệ thống, tính công khai, tính công khai, tính giáo dục, tính phát triển và đảm bảo sự công bằng cho học sinh. Đồng thời đảm

bảo yêu cầu theo quy định hiện hành đánh giá sự tiến bộ và vì sự tiến bộ của người học,...

Trong quá trình thiết kế bài kiểm tra, đánh giá, sinh viên làm việc cá nhân, nhóm hoàn thành các bài thực hành theo yêu cầu của giảng viên. Cá nhân hoặc đại diện nhóm báo cáo các sản phẩm đã xây dựng, các thành viên trong nhóm, lớp nhận xét góp ý và rút ra bài học để hoàn thiện các kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá (ở từng bài học hoặc bài kiểm tra định kỳ).

Nhiệm vụ học tập nhóm được giảng viên giao cho sinh viên: xây dựng hoàn chỉnh ma trận đề, đề kiểm tra tương ứng của môn học/học kỳ/khối, thống nhất trong nhóm, phân công nhiệm vụ, phối hợp luyện tập để thiết kế và nhận xét đề kiểm tra.

Chúng tôi khảo sát mức độ nắm vững kiến thức và quy trình thiết kế bài kiểm tra, đánh giá học sinh của sinh viên khi học học phần, kết quả thu được như sau:

Bảng 2.5. Tự đánh giá về mức độ nhận thức về thiết kế bài kiểm tra, đánh giá học sinh tiểu học của sinh viên

Nội dung đánh giá	Nhớ/ Biết (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích (4)	Tổng hợp (5)	Đánh giá (6)	TBC	Thứ bậc
Mục đích, ý nghĩa, chức năng của kiểm tra đánh giá trong giáo dục tiểu học	0	0	0	198	0	8	4.08	4
Yêu cầu, các quy định hiện hành trong đánh giá học sinh tiểu học	0	11	32	159	2	2	3.77	6
Quy trình thiết kế bài kiểm tra, đánh giá	0	0	21	154	11	20	4.15	2
Cấu trúc các dạng bài kiểm tra	0	6	29	128	16	27	4.14	3
Yêu cầu kỹ thuật của mỗi loại bài kiểm tra, đánh giá	0	0	3	156	45	2	4.22	1
Tiêu chí đánh giá	0	0	11	195	0	0	3.95	5
Trung bình							4.05	

Ghi chú: Việc tính điểm các mức độ từ mức 1 đến mức 6 tương ứng từ 1 đến 6 điểm.

Từ kết quả thu được chúng tôi nhận thấy, hầu hết sinh viên tự đánh giá nắm được kiến thức liên quan đến quy trình, kỹ thuật thiết kế bài kiểm tra, đánh giá học sinh (điểm trung bình 4.05), trong đó, sinh viên nắm được các yêu cầu kỹ thuật của mỗi loại bài kiểm tra, đánh giá. Trong các nội dung lý thuyết, hầu hết các em có thể vận dụng, phân tích hoặc đánh giá được các vấn đề liên quan đến quy trình, cấu trúc, yêu cầu kỹ thuật của từng loại bài kiểm tra. Đây sẽ là điều kiện thuận lợi để sinh viên thực hành thiết kế các bài kiểm tra, đánh giá. Tuy nhiên, một số sinh viên chưa nắm chắc được yêu cầu, quy định đánh giá hiện hành; chưa nắm vững cấu trúc của các dạng bài kiểm tra.

Để làm rõ thực trạng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá của sinh viên, chúng tôi tiến hành khảo sát bằng phiếu hỏi, quan sát kết hợp với sử dụng bài tập đo trên sinh viên, kết quả thu được như sau:

Bảng 2.6. Tự đánh giá của sinh viên về mức độ đạt được của bản thân trong thiết kế bài kiểm tra, đánh giá học sinh tiểu học

STT	Nội dung đánh giá	Mức độ					
		Thực hiện rất tốt	Thực hiện đúng/tốt	Biết thực hiện nhưng còn lúng túng	Chưa biết thực hiện	TBC	Thứ bậc
1	Câu hỏi kiểm tra miệng	86	115	5	0	3.39	1
2	Câu hỏi/bài tập dạng tự luận	41	149	16	0	3.12	3
3	Câu hỏi/bài tập trắc nghiệm Đúng- Sai	51	142	13	0	3.18	2
4	Câu hỏi/bài tập trắc nghiệm điền khuyết	22	156	22	6	2.94	5
5	Câu hỏi/bài tập trắc nghiệm đối chiếu cặp đôi	20	166	20	0	3.00	6
6	Câu hỏi/bài tập trắc nghiệm đa lựa chọn	28	160	18	0	3.05	4
7	Thiết kế ma trận đề	8	132	48	18	2.63	8

	thi định kỳ						
8	Thiết kế đề kiểm tra tương ứng với ma trận đề thi	12	146	29	19	2.73	7
Trung bình						3.01	

Ghi chú: Việc tính điểm các mức độ được thực hiện như sau:

Mức 1. Chưa biết thực hiện: 1 điểm

Mức 2. Biết thực hiện nhưng còn lúng: 2 điểm

Mức 3. Thực hiện đúng/tốt: 3 điểm

Mức 4. Thực hiện rất tốt: 4 điểm

Với kết quả tự đánh giá của sinh viên, cho thấy các em đã thực hiện được kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá ở tiểu học, điểm trung bình chung (3,01) ở các dạng bài theo yêu cầu của môn học. Có sự chênh lệch về mức độ đạt được ở từng dạng loại, trong đó sinh viên đánh giá thiết kế ma trận đề thi và đề thi tương ứng là kết quả thấp nhất (điểm trung bình là 2,63 và 2,73). Khi quan sát, theo dõi giảng viên phân tích và hướng dẫn kỹ năng thực hành, chúng tôi nhận thấy việc đọc - hiểu ma trận cần có khoảng thời gian nghiên cứu trước và sau khi đến lớp, đòi hỏi có hiểu biết tổng hợp về chương trình môn học, kế hoạch bài dạy và các yêu cầu trong quy định đánh giá học sinh tiểu học. Dưới sự hướng dẫn của giảng viên, sinh viên phải nghiên cứu về sự phù hợp giữa đề thi và ma trận đề thi cũng đòi hỏi kiến thức tổng hợp, khái quát về các mạch nội dung trong chương trình, yêu cầu cần đạt,..., các kiến thức tổng hợp về đánh giá, tỷ lệ mức độ khó, tỷ lệ giữa câu hỏi tự luận, trắc nghiệm khách quan,... do đó cần thời gian và tự học ở mỗi sinh viên. Nội dung này chúng tôi thường tổ chức cho sinh viên tiếp cận và thực hành sau khi các em đã biết thiết kế các dạng bài riêng biệt, điều đó rèn luyện các em kỹ năng tổng hợp trong nhận diện, phân tích, thiết kế tạo thành các đề thi/bài thi hoàn chỉnh.

Sinh viên tự đánh giá thiết kế đúng ở các bài kiểm tra miệng, bài tự luận, trắc nghiệm Đúng- Sai, trắc nghiệm đa lựa chọn với lần lượt các mức điểm trung bình là 3,39; 3,18; 3,12; 3,05. Ở các bài thực hành, sinh viên được luyện tập nhiều lần với các bài học khác nhau, trong các môn học: Toán, Tiếng Việt, Đạo đức, Tự nhiên- Xã hội,... sau mỗi lần luyện tập, giảng viên chữa bài, sinh viên

rút ra bài học cho bản thân, nhận ra các lỗi kỹ thuật trong thiết kế của bản thân, của các bạn trong lớp, từ đó điều chỉnh trong các bài thực hành tiếp theo.

2.3.3. Mức độ thực hiện kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học của sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học trường Đại học Hoa Lư

Để có đánh giá kết quả khách quan, chúng tôi đã xây dựng bài tập khảo sát kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá sinh viên trong phạm vi nghiên cứu của đề tài đối với từng sinh viên trên các tiêu chí và thang đo. Đánh giá theo từng tiêu chí, kết quả thu được như sau:

Bảng 2.7. Mức độ đạt được của sinh viên trong thiết kế bài kiểm tra, đánh giá học sinh tiểu học xét trên từng tiêu chí

Tiêu chí	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Số lượng	206	206	206	206	99	112	88	87	98	107
%	100	100	100	100	48.1	54.1	42.7	42.2	47.6	51.7

Ghi chú:

1. Phù hợp mục tiêu
2. Phù hợp nội dung học sinh được tiếp cận/học
3. Đảm bảo cấu trúc của từng dạng/loại
4. Mức độ khó đảm bảo theo các quy định hiện hành về đánh giá học sinh tiểu học (bám sát thang nhận thức Bloom) .
5. Đảm bảo tính hệ thống
6. Đảm bảo tính giáo dục
7. Đảm bảo tính thực tiễn
8. Đảm bảo tính phát triển
9. Phù hợp với nhận thức của học sinh tiểu học
10. Diễn đạt ngắn gọn, rõ ràng, khoa học.

Như vậy, 100% sinh viên thiết kế bài kiểm tra, đánh giá đảm bảo tiêu chí: phù hợp mục tiêu, nội dung, cấu trúc, độ khó. Tuy nhiên, kết quả khảo sát cũng cho thấy, tỷ lệ sinh viên ra đề thi/bài kiểm tra chưa gắn với thực tiễn (42,7% đạt yêu cầu); bài kiểm tra chưa có tính mở, tính vận dụng (42,2% đạt yêu cầu). Một số bài kiểm tra ngôn ngữ chưa phù hợp, quá ngắn gọn hoặc câu từ dài dòng khó hiểu, trong các bài kiểm tra chưa đảm bảo tính hệ thống.

Để có cái nhìn tổng thể đánh giá trên từng sinh viên về kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá học sinh, chúng tôi đã xử lý và tổng hợp sản phẩm của học sinh trên 10 tiêu chí, kết quả như sau:

Bảng 2.8. Mức độ đạt được của sinh viên trong thiết kế bài kiểm tra, đánh giá học sinh tiểu học

Thực hiện rất tốt		Thực hiện đúng/tốt		Biết thực hiện nhưng còn lúng túng		Chưa biết thực hiện	
SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
46	22.3	126	61.2	34	16.5	0	0.0

Với kết quả thu được từ bài đánh giá tại thời điểm khảo sát, chúng tôi nhận thấy sinh viên đã đạt được chuẩn đầu ra về kỹ năng thiết kế, đáp ứng được yêu cầu của môn học. Trong các dạng bài đánh giá kỹ năng thiết kế bài kiểm tra đánh giá của sinh viên chúng tôi nhận thấy tỷ lệ sinh viên đã thực hiện được đúng quy trình, xác định được mục tiêu, yêu cầu kỹ thuật thiết kế từng loại bài kiểm tra; bước đầu xây dựng được bài kiểm tra đúng cấu trúc của mỗi dạng, phù hợp với mục tiêu, nội dung, đối tượng đánh giá. Sinh viên biết vận dụng kiến thức đã học, căn cứ chuẩn kiến thức, kỹ năng, yêu cầu đánh giá và định hướng phát triển năng lực học sinh thiết kế bài kiểm tra cơ bản đáp ứng mục tiêu, đảm bảo hình thức. Hầu hết các câu hỏi, bài tập được xây dựng rõ ràng, tường minh và mỗi bài đều thể hiện mức độ đánh giá riêng theo thang Bloom. Tuy nhiên, khi thiết kế các câu hỏi/bài tập, sinh viên còn lúng túng, bộc lộ một số hạn chế, tồn tại các lỗi kỹ thuật, 16,5% sinh viên còn lúng túng.

Một số lỗi sinh viên gặp phải chúng tôi khái quát được khi xử lý, đánh giá các sản phẩm của sinh viên:

- Khi xây dựng câu hỏi, bài tập trắc nghiệm, một số sinh viên thiếu phần yêu cầu (hướng dẫn) học sinh làm bài, dữ kiện đưa vào câu hỏi, bài tập chưa gắn liền với thực tiễn, có mâu thuẫn, hướng dẫn chằm chằm máy móc.

Ví dụ: Đơn vị đo quá nhỏ so với thực tế: đơn vị đo của mảnh vườn bằng 3 cm; bố hơn con 8 tuổi hoặc nội dung không phù hợp thực tiễn (Bác An sử dụng 15/11 mảnh vườn để trồng rau...)

- Một số bài kiểm tra không thống nhất thuật ngữ, độ khó vượt chương trình, không đảm bảo tính hệ thống, còn các lỗi chính tả về câu, từ, dấu câu, thiếu chủ ngữ...

Ví dụ: dữ kiện là “miếng đất”, phân hỏi là “mảnh vườn”; phân dữ kiện là “xăng”, phân hỏi là “dầu”; học sinh lớp 2 cho bài làm liên quan đến số chia hết cho 9, học sinh chưa học,...

- Xuất hiện câu hỏi sử dụng từ để hỏi mang tính bất định, không rõ ràng, câu hỏi quá dài, hoặc quá khó so với mức độ nhận thức của học sinh. Câu, từ chưa rõ ràng.

- Sử dụng máy móc, cơ học các dữ kiện, tư liệu trong sách giáo khoa.

**Đối với câu hỏi, bài tập tự luận:*

- Sinh viên biết vận dụng kiến thức đã học, căn cứ chuẩn kiến thức, kỹ năng, yêu cầu đánh giá và định hướng phát triển năng lực học sinh thiết kế bài kiểm tra cơ bản đáp ứng mục tiêu, cấu trúc ở cả hai dạng: Bài tập/câu hỏi dạng trả lời hạn chế và Bài tập/câu hỏi dạng trả lời mở rộng, để đo lường những kết quả thuộc nội dung bài học.

- Các lỗi sinh viên thường gặp: không thống nhất thuật ngữ, câu hỏi dài dòng hoặc không rõ ràng, chung chung, câu hỏi không bám sát nội dung bài học, nội dung phi thực tiễn, bất hợp lý

Ví dụ: quãng đường đi học từ nhà đến trường 40km, bạn An đi bộ 20km/giờ không phù hợp thực tiễn cuộc sống

** Đối với câu hỏi, bài tập trắc nghiệm điền khuyết (trắc nghiệm kiểu trả lời ngắn):*

- Sinh viên biết vận dụng kiến thức đã học, căn cứ chuẩn kiến thức, kỹ năng, yêu cầu đánh giá và định hướng phát triển năng lực học sinh thiết kế bài kiểm tra cơ bản đáp ứng mục tiêu, đảm bảo hình thức là một câu hỏi hoặc là một phát biểu chưa hoàn chỉnh. Người làm bài phải viết câu trả lời cho câu hỏi hoặc điền

thêm vào câu phát biểu chưa hoàn chỉnh bằng một từ hay cụm từ, một kí hiệu, một công thức, một con số...

- Các lỗi sinh viên thường gặp: không thống nhất thuật ngữ, các thuật ngữ không rõ ràng, không rõ ý muốn hỏi, từ đa nghĩa, dài dòng; đề quá nhiều phần khuyết (trống), hoặc đề khuyết tùy tiện, dẫn đến không có đáp án duy nhất cho câu hỏi, bài tập hoặc từ, nội dung khuyết không phải là “từ khóa” hay nội dung cốt lõi, trọng tâm, khái quát hoặc nên lấy những lời trực tiếp từ sách giáo khoa làm thành câu trắc nghiệm trả lời ngắn,...

**Đối với câu hỏi, bài tập trắc nghiệm Đúng - Sai*

- Sinh viên biết vận dụng kiến thức thiết kế bài kiểm tra cơ bản đáp ứng mục tiêu, đảm bảo 2 phần: Phần 1: là một câu hỏi hoặc một phát biểu, còn gọi là phần đề. Phần 2: là 2 phương án lựa chọn: Đúng- Sai; Phải- Không phải; Đồng ý- Không đồng ý, người làm bài lựa chọn một trong hai phương án.

- Các lỗi sinh viên thường gặp: Câu hỏi còn những phát biểu chung chung, không quan trọng, lạm dụng những phát biểu phủ định, đặc biệt là phủ định kép, câu dài, câu phức tạp, câu phát biểu lấy nguyên văn từ sách giáo khoa.

**Đối với câu hỏi, bài tập trắc nghiệm đối chiếu cặp đôi:*

- Sinh viên biết vận dụng kiến thức thiết kế bài kiểm tra cơ bản đáp ứng mục tiêu, bao gồm 2 phần, thiết kế thành 2 cột. Phần 1 là phần thông tin ở bảng truy; Phần 2 là phần thông tin ở bảng chọn, ở 2 hình thức đối chiếu hoàn toàn và đối chiếu cặp đôi không hoàn toàn. Yêu cầu người học lựa chọn yếu tố tương đương hoặc có sự tương hợp của mỗi cặp thông tin từ bảng truy và bảng chọn. Giữa các cặp ở 2 bảng có mối liên hệ trên một cơ sở đã định.

- Các lỗi sinh viên thường gặp: lời chỉ dẫn không rõ ràng, bài trắc nghiệm đối chiếu cặp đôi không đặt trên cùng một trang giấy, số phương án ở 2 cột quá chênh lệch, câu dài, học sinh khó nhận diện.

**Đối với câu hỏi, bài tập trắc nghiệm nhiều (đa) lựa chọn:*

- Sinh viên biết vận dụng kiến thức đã học, căn cứ chuẩn kiến thức, kỹ năng, yêu cầu đánh giá và định hướng phát triển năng lực học sinh thiết kế bài kiểm tra cơ bản đáp ứng mục tiêu, đảm bảo gồm 2 phần. Phần 1: phần nêu vấn đề dưới

dạng câu chưa hoàn thành hoặc câu hỏi. Phần 2: và phần nêu các phương án lựa chọn. Người làm bài trắc nghiệm nhiều lựa chọn là chọn một phương án trả lời tốt nhất hoặc đúng nhất trong số các phương án cho sẵn

- Các lỗi sinh viên thường gặp: Câu hỏi, bài tập đưa ra nhiều ý (nhiều lĩnh vực khác nhau trong cùng một phương án lựa chọn), dùng các câu hỏi phủ định, đưa phương án “tất cả câu trên đều sai/đúng”; các phương án đưa vào không theo trật tự, trình tự nhất quán (tăng dần hoặc giảm dần), người học dễ nhầm lẫn, độ dài của các phương án chưa tương đương nhau, các phương án mỗi nhử dễ phân biệt, phương án này bao hàm nội dung của phương án kia, có hai phương án đúng,...

- Đặc biệt, trong các sản phẩm của sinh viên có hạn chế chung đó là:

+ Trình bày nội dung câu hỏi chưa mạch lạc, tường minh, các bài tập ra vượt chương trình (học sinh chưa được học), một số bài không phù hợp thực tiễn về đơn vị đo lường (Bạn An có 2/8 cái kẹo, Bạn An chia cho các bạn....)

+ Trong cấu trúc đề thi định kỳ, sinh viên lúng túng khi xếp thứ tự các câu hỏi, bài tập và không nhất quán (từ dễ đến khó, hoặc từ ý dễ đến ý khó ở mỗi bài đảm bảo các mức độ theo quy định hiện hành, phù hợp đối tượng và thang đánh giá nhận thức Bloom.

+ Sinh viên chưa tự tin thể hiện quan điểm khi nhận xét đề thi, bài kiểm, đề hình thành tư duy phản biện đề, kỹ năng lựa chọn, kế thừa hoặc khai thác hệ thống học liệu phục vụ dạy học hiệu quả giảng viên tiếp tục phân tích, nhận xét và hướng dẫn sinh viên rèn luyện.

+ Việc xác định mục tiêu đánh giá đôi khi chưa chính xác, chưa bám sát nội dung; bần khoản, lúng túng khi lựa chọn các công cụ, hình thức, phương pháp đánh giá phù hợp.

+ Đôi khi sinh viên bắt chước rập khuôn trong thiết kế bài kiểm tra/đề thi.

2.4. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN KỸ NĂNG THIẾT KẾ BÀI KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP Ở TIỂU HỌC CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

Từ kết quả khảo về kỹ năng thiết kế kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, phân tích các sản phẩm của sinh viên, trao đổi về các nhận xét của giảng viên cho thấy có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến quá trình rèn luyện kỹ năng này của sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học. Trong quá trình nghiên cứu, chúng tôi khảo sát sinh viên để xem xét những yếu tố nào là yếu tố cơ bản ảnh hưởng đến việc rèn luyện kỹ năng của các em. Chúng tôi tìm hiểu mức độ khó khăn của sinh viên trong quá trình hình thành thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học của sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học trường Đại học Hoa Lư để phân tích tìm ra các yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hành, rèn luyện kỹ năng thiết kế đề kiểm tra, đánh giá.

Chúng tôi hướng dẫn sinh viên thực hành thiết kế các dạng bài kiểm tra, đánh giá học sinh tiểu học, sau khi cung cấp kiến thức lý thuyết, hướng dẫn thực hiện theo quy trình, đánh giá sản phẩm, góp ý, nhận xét, chuẩn hóa kiến thức, yêu cầu rèn luyện tiếp theo. Quá trình thực hành thiết kế bài kiểm tra, sinh viên gặp một số khó khăn, thể hiện ở bảng sau:

Bảng 2.9. Những khó khăn sinh viên gặp phải trong quá trình thiết kế bài kiểm tra, đánh giá học sinh tiểu học

STT	Nội dung đánh giá	Mức độ					
		Rất khó khăn	Khó khăn	Ít khó khăn	Không khó khăn	TBC	Thứ bậc
1	Xác định tỷ lệ % độ khó đề thi định kỳ	0	5	72	129	1.40	11
2	Xác định tỷ lệ % trắc nghiệm/tự luận trong đề thi định kỳ	0	8	81	117	1.47	10
3	Xác định trọng số của từng mảng kiến thức, kỹ năng trong đề thi	0	36	95	75	1.81	9
4	Xây dựng bài kiểm tra tương ứng mức độ nhận thức theo thang Bloom	0	41	155	10	2.15	3
5	Xây dựng đề thi đảm bảo các mức độ theo quy định	0	58	146	2	2.27	2
6	Đảm bảo tính hệ thống, phù hợp mục tiêu, chương trình	0	26	171	9	2.08	6

7	Câu, từ rõ ràng, phù hợp với đối tượng	5	126	60	15	2.59	1
8	Đảm bảo cấu trúc	3	35	151	17	2.12	5
9	Đảm bảo tính thực tiễn	3	111	89	3	1.99	8
10	Rà soát đề đã xây dựng	8	108	90	0	2.06	7
11	Nhận xét câu hỏi/bài tập/đề thi	2	78	100	26	2.13	4
Trung bình						2,01	0

Ghi chú: Việc tính điểm các mức độ được thực hiện như sau:

Mức 1. Không khó khăn: 1 điểm

Mức 2. Ít khó khăn: 2 điểm

Mức 3. Khó khăn: 3 điểm

Mức 4. Rất khó khăn: 4 điểm

Từ kết quả thu được cho thấy sinh viên gặp khó khăn trong quá trình thiết kế bài kiểm tra đánh giá học sinh (điểm trung bình 2,01). Trong các công việc cần thực hiện, sinh viên gặp khó khăn nhất là hoàn chỉnh bài kiểm tra đảm bảo *Câu, từ rõ ràng, phù hợp với đối tượng* (điểm trung bình 2.59). Trong các bài thực hành thiết kế các dạng tự luận, trắc nghiệm, khi viết phần dữ kiện, yêu cầu, hướng dẫn làm bài sinh viên lúng túng, nhiều câu dài dòng, khó hiểu hoặc thiếu chặt chẽ. Đặc biệt, phần yêu cầu hoặc hướng dẫn làm bài đôi khi sắp xếp thiếu logic, lộn xộn.

Khó khăn tiếp theo sinh viên gặp phải là *Xây dựng đề thi đảm bảo các mức độ theo quy định* (điểm trung bình 2.27). Trong quá trình hướng dẫn sinh viên thực hành thiết kế đề kiểm tra, đánh giá học sinh tiểu học áp dụng quy định từ hai thông tư (Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT (ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định đánh giá học sinh tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT); Văn bản hợp nhất số 03/VBHN- BGDĐT (ngày 28 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo); Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT (ngày 4 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ GD & ĐT ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học). Do đó các mức độ bài kiểm tra/ bài thi có khác nhau: 3 hoặc 4 mức độ. Đối với môn Toán lớp 3, thực hiện 3 mức độ theo thang Bloom khi xác định độ khó của bài kiểm tra. Khi trao đổi với sinh viên, đối với mức 1,2 sinh viên

không gặp khó khăn nhưng khi thiết kế bài thi mức 3 thì sinh viên lúng túng, đôi khi ra bài có nội dung vượt/nằm ngoài chương trình học của học sinh.

Các kỹ năng *Xác định tỷ lệ % độ khó đề thi định kỳ giữa các bài tập định* (điểm trung bình 1.40); *Xác định tỷ lệ % trắc nghiệm/tự luận trong đề thi định kỳ* (điểm trung bình 1.47); *Xác định trọng số của từng mảng kiến thức, kỹ năng trong đề thi* (điểm trung bình 1.81) sinh viên ít gặp khó khăn bởi lý do hầu hết sinh viên nắm chắc quy trình, cấu trúc của ma trận đề nên ít gặp khó khăn, đồng thời kỹ năng này thuộc về cấu trúc khung ma trận nên các em thực hiện thuận lợi.

Bên cạnh đó khảo sát bằng phiếu hỏi, chúng tôi trao đổi với sinh viên nhận thấy thấy: sinh viên gặp khó khăn trong thực hiện các bước thiết kế ma trận đề kiểm tra: Trong 5 bước thực hiện thiết kế ma trận đề thi, sinh viên gặp khó khăn trong việc xác định tỷ lệ % số điểm, số câu cho mỗi nội dung/chủ đề/mạch kiến thức tương ứng với tỷ lệ %, để làm được bước này sinh viên phải có kiến thức tổng thể, bao quát chương trình môn học (liệt kê các nội dung/chủ đề/mạch kiến thức và kỹ năng cần kiểm tra; viết các chuẩn cần đánh giá đối với mỗi mức độ nhận thức; xác định tỷ lệ % số điểm, số câu cho mỗi nội dung/chủ đề/mạch kiến thức tương ứng với tỷ lệ %; tính tổng số điểm và tổng số câu hỏi cho mỗi cột và kiểm tra lại tỷ lệ % tổng số điểm phân phối cho mỗi cột; Rà soát lại ma trận và chỉnh sửa nếu thấy cần thiết). Do đó thiết kế ma trận đề thi định kỳ là nội dung được giảng viên hướng dẫn sau khi sinh viên đã hình thành kỹ năng thiết kế các bài tập, câu hỏi kiểm tra sau từng bài học độc lập hoặc sau một số bài kế tiếp. Việc xây dựng ma trận đề thi cho bài kiểm tra định kỳ đòi hỏi khả năng khái quát, tổng hợp của chương trình môn học, hình thành kỹ năng này đối với sinh viên là quá trình dài lâu, sinh viên sẽ tiếp tục được rèn luyện và hoàn thiện trong quá trình, kể cả sau khi ra trường, làm việc tại các cơ sở giáo dục tiểu học. Do đó, hầu hết sinh viên gặp khó khăn khi thực hiện bước 3 của quy trình thiết kế, mặt khác thời lượng chương trình dành cho rèn tập các kỹ năng thiết kế trên lớp không nhiều, chủ yếu sinh viên phải tiếp tục tự thực hành tại nhà.

Khi trao đổi trực tiếp với sinh viên cho thấy nguyên nhân dẫn đến khó khăn trong thiết kế bài kiểm tra, đánh giá thuộc về cả phía giảng viên và bản

thân các em. Một số sinh viên thừa nhận thời lượng tự học, tự luyện tập ảnh hưởng đến kỹ năng của các em, việc nhận xét, sửa bài của giáo viên, bạn bè và rút kinh nghiệm của bản thân giúp sinh viên nhanh hoàn thiện kỹ năng thiết kế. Đồng thời, các nhiệm vụ giáo viên giao cho sinh viên tường minh, có thời điểm rõ ràng, phù hợp và có sự giám sát, đánh giá thường xuyên sẽ thúc đẩy tự học và rèn luyện kỹ năng hiệu quả. Sinh viên sẽ hình thành được kỹ năng phản biện đề khi được giáo viên tổ chức phân tích nhận xét đề thi, điều này rất cần thiết đối với bản thân mỗi sinh viên.

Chúng tôi tiến hành khảo sát về các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả rèn luyện kỹ năng thiết kế bài kiểm tra đánh giá học sinh tiểu học của sinh viên, kết quả thu được như sau:

Bảng 2.10. Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả rèn luyện kỹ năng thiết kế bài kiểm tra đánh giá học sinh tiểu học của sinh viên

STT	Nội dung đánh giá	Mức độ					
		Ảnh hưởng nhiều	Ảnh hưởng	Ảnh hưởng ít	Không ảnh hưởng	TBC	Thứ bậc
1	Tính tích cực, tự giác của bản thân	202	4	0	0	3.98	2
2	Thời gian luyện tập trên lớp	26	143	37	0	2.95	3
3	Phương pháp hướng dẫn, đánh giá của giảng viên	204	2	0	0	3.99	1
4	Sự phối hợp của các thành viên trong làm việc nhóm	188	18	0	0	3.91	4
5	Nhận xét, đánh giá của bạn	33	41	132	0	2.52	5
Trung bình						3.47	

Ghi chú: Việc tính điểm các mức độ được thực hiện như sau:

Mức 1. Không ảnh hưởng: 1 điểm

Mức 2. Ảnh hưởng ít: 2 điểm

Mức 3. Ảnh hưởng: 3 điểm

Mức 4. Ảnh hưởng nhiều: 4 điểm

Khi xử lý, chúng tôi đã tính điểm trung bình và xếp thứ bậc của các yếu tố ảnh hưởng. Kết quả thu được cho thấy, tất cả sinh viên các lớp đều cho rằng: “*Phương pháp hướng dẫn, đánh giá của giảng viên*” là yếu tố ảnh hưởng nhất đến quá trình rèn luyện kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của các em (điểm trung bình 3.99- xếp thứ nhất); “*Tính tích cực, tự giác của bản thân*” có ảnh hưởng rất lớn đến quá trình rèn luyện kỹ năng này của các em (điểm trung bình 3.98- xếp thứ hai); “*Nhận xét, đánh giá của bạn*” ảnh hưởng ít nhất (điểm trung bình chung 2.52, xếp thứ bậc cuối cùng) Điều này hoàn toàn phù hợp, vì khi nhận xét lẫn nhau hoặc tự nhận xét các em chưa có nhiều kinh nghiệm nên có thể chưa sát hoặc chưa phù hợp và rất khó để các em nhận biết nội dung nào các em đã làm tốt, nội dung nào các em chưa tốt và hạn chế cần khắc phục. Mặt khác, SV ít kiến thức thực tế, do nhận xét hoàn toàn bám sát lý thuyết đã được học dẫn đến nhận xét chưa đầy đủ. Vì vậy, việc góp ý nhận xét của GV, phương pháp hướng dẫn, đánh giá phù hợp giúp nâng cao hiệu quả rèn luyện kỹ năng thiết kế bài kiểm tra cho sinh viên. Bên cạnh đó “*Thời gian luyện tập trên lớp*” là một yếu tố quan trọng chi phối hiệu quả rèn luyện hình thành kỹ năng cho sinh viên. Với thời lượng 30 giờ thực hành trên lớp, sinh viên được tiếp cận và hướng dẫn thiết kế các dạng bài kiểm tra miệng, tự luận, trắc nghiệm, thiết kế ma trận đề thi, các kỹ thuật ghi nhận xét, sử dụng thông tin trong đánh giá, ghi hồ sơ đánh giá học sinh,... Do vậy, thời gian dành cho mỗi dạng/loại thực sự chưa nhiều. Ngoài giờ thực hành trên lớp, mỗi sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ học tập do giảng viên giao về nhà. Việc hình thành kỹ năng đòi hỏi phải luyện tập, lặp đi, lặp lại nhiều lần, phải thực hành ở các bài học, môn học khác nhau tạo nên tính hệ thống và sự phong phú ở các sản phẩm của sinh viên.

2.5. ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP NÂNG CAO KỸ NĂNG THIẾT KẾ BÀI KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP Ở TIỂU HỌC

Để có cơ sở đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả rèn luyện kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học, chúng tôi nghiên cứu nhận thức của sinh viên về mức độ cần thiết phải hình thành kỹ năng này đối với

giáo viên tiểu học. Đồng thời, tìm hiểu thực trạng rèn luyện, mức độ đạt được của kỹ năng thiết kế đề kiểm tra, đánh giá học sinh, tính tích cực của sinh viên. Bên cạnh đó, chúng tôi khảo sát đánh giá ý kiến của sinh viên về những công việc/nhiệm vụ cần thực hiện để rèn luyện, hình thành kỹ năng, kết quả thu được đó là 100% sinh viên được hỏi đều cho rằng cần: Học tập, nghiên cứu để hiểu rõ về quy trình thiết kế, quy định về đánh giá học sinh tiểu học; Tích cực làm việc cá nhân/tự học; Tích cực làm việc nhóm thực hiện tốt các nhiệm vụ giảng viên giao; Nghiên cứu tiêu chí đánh giá để rà soát, nhận xét bài kiểm tra đánh giá. 96,1% sinh viên cho rằng cần tìm hiểu và nắm rõ chương trình ở tiểu học.

Bên cạnh đó, chúng tôi trò chuyện, trao đổi, sinh viên chia sẻ về nguyện vọng muốn giảng viên dành nhiều thời gian hơn cho các em thực hành thiết kế các dạng bài đơn lẻ và các dạng đề kiểm tra để nắm chắc, thực hiện đúng quy trình, kỹ thuật, tiến tới thuần thục các kỹ năng này.

Qua tìm hiểu thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình rèn luyện kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá của sinh viên, căn cứ yêu cầu thực tiễn đối với sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học, Trường Đại học Hoa Lư, chúng tôi đề xuất một số biện pháp sau:

- Quán triệt định hướng về đổi mới đánh giá trong giáo dục nói chung, giáo dục tiểu học nói riêng, đánh giá sự tiến bộ và vì sự tiến bộ của học sinh, đánh giá khả năng học sinh vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học được vào giải quyết vấn đề thực tiễn của cuộc sống hướng đến phát triển phẩm chất, năng lực người học.

- Hướng dẫn sinh viên bám sát các văn bản chỉ đạo về đánh giá học sinh tiểu học, thực hành lựa chọn công cụ, hình thức đánh giá, thực hành kỹ năng thiết kế bài kiểm tra phù hợp mục đích, tập trung giúp sinh viên nhận diện và chỉnh sửa các lỗi hay mắc phải ở mỗi loại bài kiểm tra.

- Tổ chức cho sinh viên thiết kế bài kiểm tra ở hai hình thức: cá nhân và theo nhóm, từ đó sinh viên được hỗ trợ và hoàn thiện các kỹ năng trình bày, báo cáo

- Hướng dẫn sinh viên sử dụng các từ khóa để xây dựng đề thi các mức độ: từ dễ đến khó, tập trung ở 3 mức độ hoặc 4 mức độ (theo lộ trình thực hiện

quy định trong Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT, Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT) với các từ, cụm từ: “nêu, kể tên, trình bày, giải thích, phân tích, lý giải tại sao, vì sao?...)

- Rèn kỹ năng ra đề đảm bảo các mạch nội dung, tiến trình dạy học, tính hệ thống, tính toàn diện, tính thực tiễn, không ra vượt chương trình.

- Sắp xếp các bài tập nhỏ trong đề kiểm tra từ dễ đến khó, hoặc từ ý dễ đến ý khó ở mỗi bài đảm bảo các mức độ theo quy định hiện hành, phù hợp đối tượng và thang đánh giá nhận thức Bloom.

- Hình thành tư duy phản biện đề cho sinh viên nhằm kế thừa hoặc khai thác hệ thống học liệu phục vụ dạy học hiệu quả.

- Xác định mục tiêu đánh giá, bám sát nội dung, lựa chọn các công cụ, hình thức, phương pháp đánh giá phù hợp.

- Xây dựng các nhiệm vụ học tập phù hợp, đồng thời áp dụng có cơ chế giám sát, đánh giá nhằm phát huy tự học, tự đánh giá để hoàn thiện kỹ năng thiết kế đề kiểm tra cho sinh viên.

Kết luận chương 2

Kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học là một trong những kỹ năng sư phạm của người giáo viên trong quá trình dạy học và giáo dục ở trường tiểu học.

Sau khi sử dụng các phương pháp nghiên cứu, phân tích và đánh giá kết quả thu được, chúng tôi đưa ra một số nhận xét sau:

- Sinh viên D14TH đều nhận thức được tầm quan trọng, sự cần thiết của việc rèn luyện kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, hầu hết sinh viên nỗ lực, tích cực trong học tập, rèn luyện. Tuy nhiên, mức độ đạt được của kỹ năng này còn hạn chế, sinh viên còn có một số lỗi kỹ thuật trong quá trình thiết kế. Giảng viên tiếp tục hỗ trợ sinh viên sửa các lỗi kỹ thuật trong thiết kế nhằm nâng cao hiệu quả rèn luyện kỹ năng, đồng thời bản thân mỗi sinh viên phải xác định nỗ lực tự học, tự rèn luyện để hình thành kỹ năng cho bản thân.

- Hiệu quả của rèn luyện kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên chịu ảnh hưởng của nguyên nhân chủ quan và nguyên

nhân khách quan, trong đó vai trò hướng dẫn, đánh giá của giảng viên và tính tích cực, tự giác, tự học của sinh viên là những yếu tố ảnh hưởng rõ rệt.

- Trong quá trình rèn luyện, sinh viên gặp những khó khăn nhất định. Để khắc phục khó khăn, nâng cao hiệu quả rèn luyện kỹ thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, chúng tôi đề xuất một số biện pháp nâng cao nhận thức, đa dạng hóa các hình thức rèn luyện kỹ năng, xây dựng và tổ chức cho sinh viên thực hiện các nhiệm vụ học tập, tăng cường tự học và sử dụng các biện pháp khuyến khích sinh viên tự học, hình thành tư duy phản biện cho sinh viên khi tiếp cận, xây dựng và sử dụng đề kiểm tra, đánh giá.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học là một trong những kỹ năng sư phạm của người giáo viên trong quá trình dạy học và giáo dục ở trường tiểu học, do đó nhà trường cần tổ chức rèn luyện cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học trong quá trình đào tạo.

Để nghiên cứu thực trạng kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học của sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học ở Trường Đại học Hoa Lư, chúng tôi sử dụng khái niệm cơ bản sau:

Kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học là khả năng vận dụng những kiến thức về đánh giá trong giáo dục tiểu học (mục tiêu, yêu cầu, mức độ,...) để thiết kế bài kiểm tra nhằm thu thập thông tin về biểu hiện kiến thức, kỹ năng và thái độ của học sinh trong học tập làm cơ sở cho việc đánh giá.

Việc hình thành kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học được thực hiện đồng thời từ hình thành nhận thức đến thái độ, hành vi.

Nghiên cứu thực trạng cho thấy sinh viên D14TH đều nhận thức được tầm quan trọng, sự cần thiết của việc rèn luyện kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, đã tự giác tích cực, học tập, rèn luyện. Tuy nhiên, sinh viên còn lúng túng và có một số lỗi kỹ thuật trong quá trình thiết kế.

Hiệu quả của rèn luyện kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên chịu ảnh hưởng của nguyên nhân chủ quan và nguyên nhân khách quan, trong đó vai trò hướng dẫn, đánh giá của giảng viên và tích cực, tự giác, tự học của sinh viên là những yếu tố ảnh hưởng rõ rệt.

Trong quá trình rèn luyện, sinh viên gặp những khó khăn nhất định. Để khắc phục khó khăn, nâng cao hiệu quả rèn luyện kỹ thiết kế bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, chúng tôi đề xuất một số biện pháp nâng cao nhận thức, đa dạng hóa các hình thức rèn luyện kỹ năng, xây dựng và tổ chức cho sinh viên thực hiện các nhiệm vụ học tập, tăng cường tự học và sử dụng các biện pháp khuyến khích sinh viên tự học, hình thành tư duy phản biện cho sinh viên khi

tiếp cận, xây dựng và sử dụng đề kiểm tra, đánh giá.

2. Kiến nghị

- Về phía GV:

+ Quán triệt định hướng về đổi mới đánh giá trong giáo dục nói chung, giáo dục tiểu học nói riêng, đánh giá sự tiến bộ và vì sự tiến bộ của học sinh. Hướng dẫn sinh viên bám sát các văn bản chỉ đạo về đánh giá học sinh tiểu học, thực hành lựa chọn công cụ, hình thức đánh giá, thực hành kỹ năng thiết kế bài kiểm tra phù hợp mục đích, tập trung giúp sinh viên nhận diện và chỉnh sửa các lỗi hay mắc phải ở mỗi loại bài kiểm tra.

+ Kích thích, tạo lập hành động, thói quen rèn luyện kỹ năng tổ chức HĐTN ở tiểu học của sinh viên: đưa ra các bài tập, các tình huống yêu cầu sinh viên làm bài tập, luyện tập thực hành với các hình thức khác nhau: theo nhóm, cá nhân...

+ Đa dạng hóa các hình thức rèn luyện kỹ năng cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học ở cả hình thức cá nhân và nhóm.

+ Xây dựng các nhiệm vụ học tập phù hợp cho sinh viên, yêu cầu sinh viên chuẩn bị kỹ trước mỗi buổi học, áp dụng cơ chế giám sát, đánh giá phát huy tự học, tự đánh giá để hoàn thiện kỹ năng thiết kế đề kiểm tra cho sinh viên.

+ Hình thành tư duy phản biện để cho sinh viên nhằm kế thừa hoặc khai thác hệ thống học liệu phục vụ dạy học hiệu quả.

- Về phía SV:

+ Tăng cường tự học; thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ học tập giảng viên giao; bám sát quy trình thiết kế bài kiểm tra, đánh giá; phối hợp với các thành viên trong nhóm/lớp thực hành và từng bước rèn luyện và hình thành kỹ năng thiết kế đề kiểm tra, đánh giá cho bản thân.

+ Trong quá trình học tập, rèn luyện, tăng cường sự trao đổi, chia sẻ với bạn, nhóm bạn và chủ động nhờ sự hướng dẫn, giúp đỡ của giảng viên.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đinh Văn Đáng (2006), *Giáo trình Kỹ năng giao tiếp*, NXB Lao động- XH.
2. Phạm Văn Cường (2010). *Tăng cường rèn luyện kỹ năng tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Toán của học sinh tiểu học cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học*, Tạp chí Dạy và học ngày nay số 7/2010.
3. Phó Đức Hòa (2018). *Đánh giá trong giáo dục tiểu học*, Nxb ĐHSP.
4. PGS.TS. Nguyễn Công Khanh - PGS.TS. Đào Thị Oanh - ThS. Lê Mỹ Dung (2019). *Giáo trình kiểm tra đánh giá trong giáo dục*, Nxb ĐHSP.
5. Trần Thị Tuyết Oanh (chủ biên), (2008). *Giáo trình Giáo dục học*, (tập 1), Nxb ĐHSP.
6. Trần Thị Tuyết Oanh (2007). *Đánh giá và đo lường kết quả học tập*, Nxb ĐHSP.
7. Sách giáo khoa tiểu học lớp 3 theo chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018 (môn Toán)
8. Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT (ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học).
9. Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT (ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định đánh giá học sinh tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT); Văn bản hợp nhất số 03/VBHN- BGDĐT (ngày 28 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).
10. Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT (ngày 4 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ GD & ĐT ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học) .
11. Đỗ Minh Trang, (2020), quy trình đánh giá học sinh ở các trường tiểu học trên địa bàn thành phố Hà Nội - cách thức và điều kiện thực hiện
12. Hoàng Thị Tuyết, Vũ Thị Phương Anh (2006). *Đánh giá kết quả học tập ở Tiểu học*, Nxb GD.
13. Viện Ngôn ngữ học - Hoàng Phê (chủ biên) (2003). *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.
14. Tài liệu tập huấn Nâng cao năng lực ra đề kiểm tra định kỳ (2016) theo Thông tư 22/2016/TT- BGD& ĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
15. Tài liệu tập huấn đánh giá học sinh tiểu học (2020) theo Thông tư 27/2020/TT- BGD& ĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

PHỤ LỤC 1

PHIẾU KHẢO SÁT SINH VIÊN (Dành cho sinh viên D14 ngành Giáo dục Tiểu học)

Để góp phần nâng cao chất lượng hình thành kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá học sinh cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học, mong Anh/Chị vui lòng trả lời những câu hỏi dưới đây. Chúng tôi xin cam đoan những thông tin được cung cấp trong phiếu khảo sát chỉ sử dụng vào mục đích nghiên cứu mà không ảnh hưởng đến quyền lợi cá nhân của Anh/Chị.

Phần thông tin cá nhân

Họ và tên:.....Giới tính:.....

Lớp:..... Ngành: Giáo dục Tiểu học. Khoa: SP TH – MN

Câu 1: Anh/Chị hãy tự đánh giá về sự cần thiết của kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá học sinh đối với người giáo viên tiểu học

- ☐ Rất cần thiết
- ☐ Cần thiết
- ☐ Bình thường
- ☐ Không cần thiết

Câu 2: Anh/Chị hãy tự đánh giá về mức độ tích cực tham gia các nhiệm vụ học tập và rèn luyện kỹ năng thiết kế đề kiểm tra, đánh giá học sinh tiểu học ở trên lớp/ở nhà của bản thân

- ☐ Rất tích cực
- ☐ Tích cực
- ☐ Bình thường
- ☐ Không tích cực

Câu 3: Anh/Chị hãy tự đánh giá về mức độ tự học và thực hiện từng nhiệm vụ học tập và rèn luyện kỹ năng thiết kế đề kiểm tra, đánh giá học sinh tiểu học của bản thân

STT	Kỹ năng	Mức độ			
		Rất tự giác, tích cực	Tự giác, tích cực	Bình thường	Chưa tự giác, tích cực
1	Thực hiện các nhiệm vụ học tập trên lớp				
2	Tự học ở nhà				
3	Thực hiện các nhiệm vụ cá nhân trên lớp				
4	Thực hiện các nhiệm vụ làm việc nhóm trên lớp				
5	Thực hiện các nhiệm vụ cá nhân ở nhà				
6	Thực hiện các nhiệm vụ làm việc nhóm ở nhà				
7	Tự nhận xét bản thân				
8	Nhận xét bạn, nhóm				

Câu 4: Anh/Chị hãy tự đánh giá về mức độ nắm vững kiến thức và quy trình thiết kế bài kiểm tra, đánh giá học sinh tiểu học của bản thân

STT	Nội dung	Mức độ					
		Nhớ/Biết	Hiểu	Vận dụng	Phân tích	Tổng hợp	Đánh giá

1	Mục đích, ý nghĩa, chức năng của kiểm tra đánh giá trong giáo dục tiểu học						
2	Yêu cầu, các quy định hiện hành trong đánh giá học sinh tiểu học						
3	Quy trình thiết kế bài kiểm tra, đánh giá						
4	Cấu trúc các dạng bài kiểm tra						
5	Yêu cầu kỹ thuật của mỗi loại bài kiểm tra, đánh giá						
6	Tiêu chí đánh giá						

Câu 5: Anh/Chị hãy tự đánh giá về mức độ đạt được của bản thân trong thiết kế bài kiểm tra, đánh giá học sinh tiểu học

STT	Kỹ năng	Mức độ			
		Thực hiện rất tốt	Thực hiện đúng	Biết thực hiện nhưng còn lúng túng	Chưa biết thực hiện
1	Câu hỏi kiểm tra miệng				
2	Câu hỏi/bài tập dạng tự luận				
3	Câu hỏi/bài tập dạng tự luận				
4	Câu hỏi/bài tập trắc nghiệm Đúng-Sai				
5	Câu hỏi/bài tập trắc nghiệm điền khuyết				
6	Câu hỏi/bài tập trắc nghiệm đối chiếu cặp đôi				
7	Câu hỏi/bài tập trắc nghiệm đa lựa chọn				
8	Thiết kế ma trận đề thi định kỳ				
9	Thiết kế đề kiểm tra tương ứng với ma trận đề thi				

Câu 6: Anh/Chị hãy gặp khó khăn gì khi thiết kế đề kiểm tra, đánh giá học sinh tiểu học?

STT	Kỹ năng	Mức độ khó khăn			
		Rất khó khăn	Khó khăn	Ít khó khăn	Không khó khăn
1	Xác định tỷ lệ % độ khó đề thi định kỳ				
2	Xác định tỷ lệ % trắc nghiệm/tự luận trong đề thi định kỳ				
3	Xác định trọng số của từng mảng kiến thức, kỹ năng trong đề thi				
4	Xây dựng bài kiểm tra tương ứng mức độ nhận thức theo thang Bloom				
5	Xây dựng đề thi đảm bảo 3 mức độ				
6	Đảm bảo tính hệ thống, phù hợp mục tiêu, chương trình				

7	Câu, từ rõ ràng, phù hợp với đối tượng				
8	Đảm bảo cấu trúc				
9	Đảm bảo tính thực tiễn				
10	Rà soát đề đã xây dựng				
11	Nhận xét câu hỏi/bài tập/đề thi				

Câu 7: Theo Anh/Chị, để sinh viên rèn luyện kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá học sinh tiểu học, bản thân mỗi sinh viên phải thực hiện những công việc/nhiệm vụ nào sau đây? (Khoanh tròn vào số thứ tự trước nội dung lựa chọn)

STT	Công việc/nhiệm vụ
1	Học tập, nghiên cứu để hiểu rõ về quy trình thiết kế, quy định về đánh giá học sinh tiểu học
2	Tìm hiểu và nắm rõ chương trình ở tiểu học
3	Tích cực làm việc cá nhân/tự học
4	Tích cực làm việc nhóm thực hiện tốt các nhiệm vụ giảng viên giao
5	Nghiên cứu tiêu chí đánh giá để rà soát, nhận xét bài kiểm tra đánh giá
5	Tự điều chỉnh khi được giảng viên, bạn góp ý
6	Khác:.....

Câu 8. Anh/Chị hãy cho biết các yếu tố nào dưới đây ảnh hưởng đến hiệu quả rèn luyện kỹ năng thiết kế bài kiểm tra đánh giá học sinh tiểu học?

STT	Nguyên nhân	Mức độ			
		Ảnh hưởng nhiều	Ảnh hưởng	Ảnh hưởng ít	Không ảnh hưởng
1	Tính tích cực, tự giác của bản thân				
2	Thời gian luyện tập trên lớp				
3	Phương pháp hướng dẫn, đánh giá của giảng viên				
4	Sự phối hợp của các thành viên trong làm việc nhóm				
5	Nhận xét, đánh giá của bạn				
6	Yếu tố khác :				

Câu 9: Anh/Chị có đề xuất gì với giảng viên giảng dạy bộ môn để nâng cao hiệu quả rèn luyện hình thành kỹ năng thiết kế bài kiểm tra, đánh giá học sinh tiểu học?

.....

Xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của Anh/Chị !

PHỤ LỤC 2

BÀI KHẢO SÁT TỔNG HỢP VỀ KỸ NĂNG THIẾT KẾ BÀI KIỂM TRA

Dành cho sinh viên lớp D14TH

Em hãy thiết kế nội dung 5 bài tập sử dụng để kiểm tra, đánh giá thường xuyên đối với học sinh sau khi học xong bài “Tính giá trị của biểu thức”

Yêu cầu cụ thể về nội dung bài tập sử dụng để kiểm tra, đánh giá:

- Đảm bảo phù hợp chuẩn kiến thức, kỹ năng, yêu cầu đánh giá và định hướng phát triển năng lực học sinh; Đảm bảo thể hiện 3 mức độ đánh giá quy định tại Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học

- 4 bài tập bao gồm: 01 bài tự luận; 01 bài trắc nghiệm kiểu trả lời ngắn (điền khuyết); 01 bài trắc nghiệm Đúng - Sai; 01 bài đối chiếu cặp đôi; 01 bài trắc nghiệm nhiều lựa chọn.

- Có hướng dẫn đánh giá (*không đánh giá bằng điểm số*).

“- Nếu trong biểu thức chỉ có phép tính cộng, trừ hoặc chỉ có phép tính nhân, chia, ta thực hiện các phép tính theo thứ tự từ trái sang phải

- Nếu trong biểu thức có các phép tính cộng, trừ, nhân, chia, ta thực hiện các phép tính nhân, chia trước, rồi thực hiện các phép tính cộng, trừ sau.

- Nếu trong biểu thức có dấu ngoặc thì ta thực hiện các phép tính ở trong ngoặc trước”

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG THIẾT KẾ BÀI KIỂM TRA

SV vận dụng kiến thức đã học, căn cứ chuẩn kiến thức, kỹ năng, yêu cầu đánh giá và định hướng phát triển năng lực học sinh; thiết kế bài kiểm tra đảm bảo kỹ thuật

Tiêu chí	Điểm tối đa
1. Phù hợp mục tiêu	1.0 đ
2. Phù hợp chương trình	1.0 đ
3. Phù hợp nội dung học sinh được tiếp cận/học	1.0 đ
4. Đảm bảo cấu trúc của từng dạng/loại	1.0 đ
5. Mức độ khó đảm bảo theo các quy định hiện hành về đánh giá học sinh tiểu học (bám sát thang nhận thức Bloom) .	1.0 đ
6. Đảm bảo tính hệ thống	1.0 đ
7. Đảm bảo tính giáo dục	1.0 đ
8. Đảm bảo tính thực tiễn	1.0 đ
9. Đảm bảo tính phát triển	1.0 đ
10. Diễn đạt rõ ràng, khoa học phù hợp với nhận thức của học sinh tiểu học	1.0 đ
Tổng	10

Yêu cầu mỗi loại bài tập/câu hỏi

1. Bài tập/câu hỏi dạng tự luận: phải trình bày đầy đủ với 2 phần chính: phần phát biểu về tình huống và phần phát biểu về vấn đề hay sự chọn lựa cho mỗi HS có thể làm việc trong một ngữ cảnh bình thường và dễ hiểu. Nội dung câu hỏi nhất thiết phải có yếu tố mới và không quen thuộc với HS.

Có thể ở 2 dạng: Bài tập/câu hỏi dạng trả lời hạn chế hoặc Bài tập/câu hỏi dạng trả lời mở rộng, để đo những kết quả thuộc nội dung bài học:

- + Trình bày kiến thức, sự kiện; nêu khái niệm, định nghĩa; giải thích nguyên tắc; mô tả phương pháp tiến trình
- + Kỹ năng vận dụng kiến thức phân tích, tổng hợp và đánh giá những thông tin bằng hiểu biết của bản thân (tránh cho HS nhắc lại kiến thức đã học đơn thuần)
- + Kỹ năng chọn lựa, tổ chức, phối hợp, liên kết và đánh giá những ý tưởng
- + Kỹ năng diễn đạt ngôn ngữ
- + Kỹ năng suy nghĩ và giải quyết vấn đề

2. Bài tập/câu hỏi dạng trắc nghiệm kiểu trả lời ngắn (trắc nghiệm điền khuyết):

Câu trắc nghiệm trả lời ngắn đảm bảo hình thức là một câu hỏi hoặc là một phát biểu chưa hoàn chỉnh. Người làm bài phải viết câu trả lời cho câu hỏi hoặc điền thêm vào câu phát biểu chưa hoàn chỉnh bằng một từ hay cụm từ, một kí hiệu, một công thức, một con số...; đảm bảo các yêu cầu:

- Các thuật ngữ cần rõ ràng; Câu hỏi phải nêu rõ ý muốn hỏi, tránh dài dòng
- Từ cần điền vào chỗ trống phải nằm trong sự liên kết với văn cảnh, có tiêu chí ngữ nghĩa rõ ràng, tạo điều kiện liên tưởng tương minh, tránh để chỗ trống tùy tiện
- Diễn tả câu hỏi trắc nghiệm sao cho người làm có thể đưa ra câu trả lời vừa ngắn gọn vừa cụ thể, riêng biệt.
- Đáp án cho mỗi câu trắc nghiệm trả lời ngắn nên là một từ, một cụm từ, một câu, một con số hay một ký hiệu
- Nếu câu hỏi trắc nghiệm có phần dữ kiện thì cần tách biệt rõ ràng phần dữ kiện và phần câu hỏi
- Không nên lấy những lời trực tiếp từ sách giáo khoa làm thành câu trắc nghiệm trả lời ngắn
- Những chỗ trống cho câu trả lời phải có chiều dài bằng nhau và đặt trong một cột bên phải của câu hỏi
- Không nên dành quá nhiều chỗ trống trong dạng trắc nghiệm điền khuyết.

3. Bài tập/câu hỏi dạng trắc nghiệm đúng, sai:

Đảm bảo 2 phần:

- + Phần 1: là một câu hỏi hoặc một phát biểu, còn gọi là phần đề
- + Phần 2: là 2 phương án lựa chọn: Đúng- Sai

Thỏa mãn các yêu cầu:

- Tránh những phát biểu chung chung
- Tránh các phát biểu tầm thường, không quan trọng
- Tránh sử dụng những phát biểu phủ định, đặc biệt là phủ định kép
- Tránh các câu dài, phức tạp
- Tránh bao gồm 2 ý tưởng trong một bài phát biểu trừ việc đo lường khả năng nhận ra mối quan hệ nhân quả
- Nếu câu đề thể hiện một ý kiến hay thái độ nào thì nên đưa thêm vào trong câu đề ấy một cơ sở nào đó để cho kết quả chọn đúng hay sai không chung chung, mơ hồ,

để đo lường khả năng của người làm bài

- Chiều dài của các câu trắc nghiệm đúng và câu trắc nghiệm sai nên bằng nhau
- Tránh lấy nguyên văn từ sách giáo khoa
- Lưu ý tính chặt chẽ khi dùng câu gồm 2 mệnh đề có quan hệ nhân quả.

4. Bài tập/câu hỏi dạng trắc nghiệm nhiều (đa) lựa chọn: gồm 2 phần

+ Phần 1: phần nêu vấn đề dưới dạng câu chưa hoàn thành hoặc câu hỏi

+ Phần 2: và phần nêu các phương án lựa chọn

Yêu cầu của bài trắc nghiệm nhiều lựa chọn là chọn một phương án đúng trong số các phương án cho sẵn. Thỏa mãn các yêu cầu:

- Không nên đưa ra nhiều ý (nhiều lĩnh vực khác nhau trong cùng một phương án lựa chọn) mỗi phương án chỉ nên có một ý.
- Tránh dùng các câu hỏi phủ định
- Cần thận khi đưa vào phương án “tất cả câu trên đều sai/đúng”
- Nên sắp xếp các phương án theo một trật tự nhất quán, tránh sự nhầm lẫn cho người làm bài (trật tự tăng dần hoặc giảm dần)
- Cố gắng tạo ra các phương án mỗi nhữ khó phân biệt với phương án đúng
- Ghi nhận những khó khăn, nhầm lẫn mà HS thường mắc để tạo ra các phương án mỗi nhữ.
- Tránh trường hợp có thể có hai hay hơn hai phương án đúng trong số các phương án cho sẵn
- Tránh đưa ra các phương án quá phân biệt tạo ra những tiết lộ không thích hợp
- Tránh phương án mơ hồ, võ đoán, không căn cứ cụ thể
- Tránh trường hợp phương án này bao hàm ý của phương án khác.

PHỤ LỤC 3**Chương trình và sách giáo khoa môn Toán 3**

Tuần	Chủ đề/Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ Thời lượng
1	Bảng nhân, bảng chia	Ôn tập các số trong phạm vi 1000	Tiết 1
		Ôn tập về phép cộng, phép trừ trong phạm vi 1000	Tiết 2, 3
		Ôn tập về hình học và đo lường	Tiết 4
2		Ôn tập về hình học và đo lường	Tiết 5
		Mi-li-mét	Tiết 6, 7
		Ôn tập về phép nhân, bảng nhân 2, bảng nhân 5	Tiết 8
		Bảng nhân 3	Tiết 9, 10
3		Bảng nhân 4	Tiết 11,12
		Bảng nhân 6	Tiết 13,14
		Gấp một số lên một số lần.	Tiết 15
		Bảng nhân 7	Tiết 16
4		Bảng nhân 7	Tiết 17
		Bảng nhân 8	Tiết 18, 19
		Bảng nhân 9 (Tiết 1)	Tiết 20
5		Bảng nhân 9 (Tiết 2)	Tiết 21
		Luyện tập	Tiết 22
		Luyện tập(tt)	Tiết 23
		Gam	Tiết 24, 25
6		Ôn tập về phép chia, bảng chia 2, bảng chia 5	Tiết 26
		Bảng chia 3	Tiết 27,28
		Bảng chia 4	Tiết 29, 30

7	Nhân, chia các số trong phạm vi 1 000	Bảng chia 6	Tiết 31, 32
		Giảm một số đi một số lần	Tiết 33
		Bảng chia 7	Tiết 34, 35
8		Bảng chia 8	Tiết 36, 37
		Bảng chia 9	Tiết 37, 38
		Luyện tập	Tiết 40
9		Luyện tập (tt)	Tiết 41
		Một phần hai. Một phần tư	Tiết 42
		Một phần ba. Một phần năm. Một phần sáu	Tiết 43
		Một phần bảy. Một phần tám. Một phần chín	Tiết 44
		Ôn lại những gì đã học (Tiết 1)	Tiết 45
10		Ôn lại những gì đã học (Tiết 2)	Tiết 46
		Em vui học Toán	Tiết 47, 48
		11	Nhân số tròn chục với số có một chữ số
Nhân với số có một chữ số (không nhớ)			Tiết 50
Luyện tập			Tiết 51
Phép chia hết. Phép chia có dư.			Tiết 52, 53
Chia số tròn chục, tròn trăm cho số có một chữ số			Tiết 54
12	Chia cho số có một chữ số	Tiết 55	
	Luyện tập	Tiết 56	
	Luyện tập chung	Tiết 57	
	So sánh số lớn gấp mấy lần số bé.	Tiết 58, 59	
	Giải bài toán có đến hai bước tính (Tiết 1)	Tiết 60	
13	Giải bài toán có đến hai bước tính (Tiết 2)	Tiết 61	

		2)	
		Làm quen với biểu thức số	Tiết 62
		Tính giá trị của biểu thức số	Tiết 63
		Tính giá trị của biểu thức số (tt)	Tiết 64
		Tính giá trị của biểu thức số (tt)	Tiết 65
14		Luyện tập chung	Tiết 66,67
		Mi-li-lít	Tiết 68, 69
		Nhiệt độ	Tiết 70
15		Góc vuông. Góc không vuông	Tiết 71, 72
		Hình tam giác. Hình tứ giác	Tiết 73
		Chu vi hình tam giác. Chu vi hình tứ giác	Tiết 74, 75
16		Hình chữ nhật	Tiết 76
		Hình vuông	Tiết 77
		Chu vi hình chữ nhật. Chu vi hình vuông	Tiết 78, 79
		Em ôn lại những gì đã học (Tiết 1)	Tiết 80
		Em ôn lại những gì đã học (Tiết 1)	Tiết 81
17		Em vui học Toán	Tiết 82, 83
		Ôn tập về phép nhân, phép chia trong phạm vi 1000	Tiết 84,85
		Ôn tập về hình học và đo lường	Tiết 86
		Ôn tập về hình học và đo lường	Tiết 87
		Ôn tập chung	Tiết 88
18		KTĐK HKI	Tiết 89
		Ôn tập chung	Tiết 90
19	Các số trong	Các số trong phạm vi 10 000	Tiết 91, 92

	phạm vi 100 000	Các số trong phạm vi 10 000 (tt)	Tiết 93, 94
		Các số trong phạm vi 10 000 (tt)	Tiết 94
20		Làm quen với chữ số La Mã	Tiết 95
		Các số trong phạm vi 100 000	Tiết 96, 97
		Các số trong phạm vi 100 000 (tt)	Tiết 98, 99
		So sánh các số trong phạm vi 100 000 (Tiết 1)	Tiết 100
		So sánh các số trong phạm vi 100 000 (Tiết 2)	Tiết 101
21		Luyện tập	Tiết 102
		Điểm ở giữa. Trung điểm của đoạn thẳng	Tiết 103
		Hình tròn, tâm, đường kính, bán kính	Tiết 104
		Vẽ trang trí hình tròn	Tiết 105
		Làm tròn số đến hàng chục, hàng trăm	Tiết 106
22		Làm tròn số đến hàng nghìn, hàng chục nghìn	Tiết 107, 108
		Luyện tập chung	Tiết 109
		Luyện tập chung	Tiết 110
23		Khối hộp chữ nhật. Khối lập phương	Tiết 111
		Thực hành xem đồng hồ	Tiết 112, 113
		Thực hành xem đồng hồ (tt)	Tiết 114, 115
		Tháng - Năm	Tiết 116, 117
		Em ôn lại những gì đã học	Tiết 118, 119
24		Em vui học Toán (Tiết 1)	Tiết 120
		Em vui học Toán (Tiết 2)	Tiết 121
		Em vui học Toán (Tiết 2)	Tiết 121
25		Phép cộng trong phạm vi 100 000	Tiết 122, 123
		Phép trừ trong phạm vi 100 000	Tiết 124, 125

26	Cộng, trừ, nhân, chia trong phạm vi 100 000	Tiền Việt Nam	Tiết 126
		Nhân số với số có một chữ số (không nhớ)	Tiết 127
		Nhân số với số có một chữ số (có nhớ)	Tiết 128, 129
		Luyện tập (Tiết 1)	Tiết 130
27		Luyện tập (Tiết 2)	Tiết 131
		Chia cho số có một chữ số trong phạm vi 100 000	Tiết 132
		Chia cho số có một chữ số trong phạm vi 100 000 (tt)	Tiết 133, 134
		Luyện tập (Tiết 1)	Tiết 135
28		Luyện tập (Tiết 2)	Tiết 136
		Chia cho số có một chữ số trong phạm vi 100 000 (tt)	Tiết 137, 138
		Luyện tập	Tiết 139, 140
29		Luyện tập chung	Tiết 141, 142
		Tìm thành phần chưa biết của phép tính	Tiết 143, 144
		Tìm thành phần chưa biết của phép tính (tt Tiết 1)	Tiết 145
30		Tìm thành phần chưa biết của phép tính (tt Tiết 2)	Tiết 146
		Luyện tập chung	Tiết 147, 148
		Diện tích một hình	Tiết 149
		Đơn vị đo diện tích. Xăng - ti - mét vuông (Tiết 1)	Tiết 150
31		Đơn vị đo diện tích. Xăng - ti - mét vuông (Tiết 2)	Tiết 151
		Diện tích hình chữ nhật. Diện tích hình vuông	Tiết 152, 153
		Luyện tập chung	Tiết 154
32		Luyện tập chung	Tiết 155
		Thu thập, phân loại, ghi chép số liệu thống kê	Tiết 156, 157
		Bảng số liệu thống kê	Tiết 158, 159

		Khả năng xảy ra của một sự kiện	Tiết 160
33		Ôn lại những gì đã học	Tiết 161, 162
		Em vui học Toán	Tiết 163, 164
		Ôn tập về số và phép tính trong phạm vi 100 000 (Tiết 1)	Tiết 165
		Ôn tập về số và phép tính trong phạm vi 100 000(Tiết 2)	Tiết 166
34		Ôn tập về số và phép tính trong phạm vi 100 000(tt)	Tiết 167, 168
		Ôn tập về hình học và đo lường	Tiết 169, 170
		Ôn tập về một số yếu tố thống kê xác suất	Tiết 171, 172
35		Ôn tập chung	Tiết 173
		Ôn tập chung	Tiết 174
		KTĐK cuối HKII	Tiết 175